

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Ngô Thị Châm

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI
CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Ngô Thị Châm

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Thị Châm

Mã SV: 1213401044

Lớp: QTL602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.
 - Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.
 - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2013
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Việt Trường

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khóa luận đúng thời gian quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lí, được chia ra thhg 3 chương:

- Chương 1 : Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp : Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học. Đối với việc hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được hạch toán bằng sơ đồ kế toán rất ngắn gọn và khoa học.
- Chương 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường : Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lí phần hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật kí chung số liệu minh họa năm 2013. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách tương đối logic và hợp lí.
- Chương 3 : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường : Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lí.

3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Giáo viên hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1 Một số vấn đề chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. 3	
1.1.1 Khái niệm về vốn bằng tiền.	3
1.1.2 Phân loại vốn bằng tiền.	3
1.1.3 Nguyên tắc về hạch toán vốn bằng tiền.....	4
1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.	5
1.2 Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.....	5
1.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.....	5
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.	5
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.	6
1.2.1.3 Hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ.	8
1.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.	11
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.	11
1.2.2.3 Hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng	13
1.2.3 Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp.....	16
1.2.3.1 Nguyên tắc hạch toán	16
1.2.3.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng.	16
1.2.3.3 Tài khoản sử dụng.	17
1.2.3.4 Hạch toán kế toán tiền đang chuyển.	18
1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.	18
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung (NKC).....	19
1.3.2 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	20
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.	20
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.	21
1.3.5 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.....	24
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Việt Trường.	24

2.1.1	Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.	24
2.1.2	Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	25
2.1.2.1	Ngành nghề kinh doanh của công ty.	25
2.1.2.2	Đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	25
2.1.3	Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty.	26
2.1.4	Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty.	27
2.1.5	Đặc điểm hình thức kế toán của công ty.	29
2.1.5.1	Hình thức kế toán của công ty.....	29
2.1.5.2	Các chế độ áp dụng.	30
2.2	Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.....	31
2.2.1	Đặc điểm vốn bằng tiền tại công ty.....	31
2.2.2	Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty.....	31
2.2.2.1	Chứng từ và tài khoản sử dụng.	31
2.2.2.2	Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty	32
2.2.3	Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Việt Trường.....	45
2.2.3.1	Chứng từ và tài khoản sử dụng.	45
2.2.3.2	Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty TNHH Việt Trường	45
CHƯƠNG 3 : HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.....		60
3.1	Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác vốn bằng tiền tại công ty.	60
3.1.1	Ưu điểm.....	60
3.1.2	Nhược điểm.	61
3.2	Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.....	62
KẾT LUẬN		70
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		71

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Trong những năm qua cùng với sự đổi mới của cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam với tư cách là công cụ quản lý kinh tế tài chính đã không ngừng được đổi mới, hoàn thiện để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội trong nước và hợp tác, hội nhập quốc tế. Trong điều kiện hiện nay, mọi trách nhiệm đều gắn với quyền lợi của doanh nghiệp, để quản lý các hoạt động kinh tế thì cần phải có số liệu. Hệ thống kế toán là công cụ đắc lực để giúp nhà lãnh đạo quản lý, hoạch định được chính sách kinh tế, xây dựng kế hoạch, xây dựng các dự án và quyết định bỏ vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh đó. Nhận thức được vai trò vị trí tầm quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng, qua nghiên cứu em nhận thấy :

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp. Tổ chức hạch toán vốn bằng tiền nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất , chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu trong quá trình sản xuất kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết , đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chỉ tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh đó, nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, chúng ta có thể biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình.

Xuất phát từ thực tế trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Việt Trường, em đã tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán vốn bằng tiền và chọn đề tài khóa luận của mình là : “ Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường”.

2. Kết cấu khóa luận.

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận gồm ba phần chính:

Chương 1 : Lý luận chung về vốn bằng tiền và tổ chức vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

Chương 3 : Một số ý biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Ngô Thị Châm

CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Một số vấn đề chung về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.1.1 Khái niệm về vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp, có tính thanh khoản cao nhất. Vốn bằng tiền thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là một tài sản mà doanh nghiệp nào cũng có và sử dụng.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ bao gồm:

- + Tiền mặt tại quỹ
- + Tiền gửi ngân hàng
- + Tiền đang chuyển.

1.1.2 Phân loại vốn bằng tiền.

- Theo trạng thái tồn tại, vốn bằng tiền bao gồm các khoản sau :
 - Tiền mặt tại quỹ : gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu đang được giữ tại kết của doanh nghiệp, để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Tiền gửi ngân hàng : là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp gửi tại ngân hàng.
 - Tiền đang chuyển : là tiền trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, kho bạc hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo của đơn vị được hưởng thụ.
- Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền được chia thành:
 - Tiền Việt Nam : là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc và đồng xu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Ngoại tệ : là loại tiền phù hiệu. Đây là loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành trên thị trường

Việt Nam như : đồng Đô la Mỹ (USA), đồng tiền chung Châu Âu (EURO), đồng yên Nhật (JPY)...

- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý : Đây là loại tiền thực chất, tuy nhiên loại tiền này không có khả năng thanh khoản cao. Nó được sử dụng chủ yếu vì mục đích cất trữ. Mục tiêu đảm bảo một lượng dự trữ an toàn trong nền kinh tế hơn là vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

1.1.3 Nguyên tắc về hạch toán vốn bằng tiền.

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể :

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, kí hiệu quốc gia là “ đ ” , kí hiệu quốc tế là “ VND ”, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ hoặc gửi vào Ngân hàng đồng thời phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái vào ngày giao dịch (tỉ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỉ giá mua hoặc tỉ giá thanh toán.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp không kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng loại, từng thứ .Giá nhập vào trong kì được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền
- + Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước.
- + Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước.
- + Giá thực tế đích danh.

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo đối tượng, chất lượng, độ tuổi, trọng lượng, độ tuổi, kích thước, giá trị... Cuối kì hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

- Phần lớn vốn tiền tệ của doanh nghiệp phải gửi vào ngân hàng và các khoản chi cơ bản được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng.
- Khi phát hành séc thanh toán phải phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình tại ngân hàng.
- Tiền tại quỹ của doanh nghiệp nhằm đáp ứng cho những nhu cầu chi tiêu thường xuyên, lật vạt hàng ngày. Doanh nghiệp và ngân hàng phải thỏa thuận định mức tồn quỹ tiền mặt. Nếu vượt quá định mức thì doanh nghiệp phải làm thủ tục nộp vào ngân hàng.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, thống nhất các quy định về chứng từ nhằm thực hiện chức năng kiểm soát và phát hiện các trường hợp chi tiêu lãng phí,... Giám sát tình hình chấp hành chế độ quản lý vốn bằng tiền, chế độ thanh toán.
- Phản ánh kịp thời tình hình biến động và số dư của từng loại vốn bằng tiền ở bất kỳ thời điểm nào, khóa sổ kế toán tiền mặt cuối mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ.
- So sánh, đối chiếu kịp thời, thường xuyên số liệu kế toán vốn bằng tiền với sổ quỹ do thủ quỹ ghi chép và sổ phụ của ngân hàng, kịp thời theo dõi phát hiện sự thừa, thiếu vốn bằng tiền của doanh nghiệp để kiến nghị các biện pháp xử lý.

1.2 Tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

Chứng từ hạch toán tiền mặt nhằm theo dõi tình hình thu, chi, tồn quỹ các loại tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý ,... và các khoản tạm ứng, thanh toán tạm ứng của đơn vị, cung cấp những thông tin cần thiết cho kế toán và người quản lý của đơn vị trong lĩnh vực tiền tệ.

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)

Ngoài ra còn có các chứng từ gốc kèm theo cùng phiếu thu, phiếu chi như:

- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT).
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04-TT).
- Giấy đề nghị thanh toán (mẫu số 05-TT).
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT).
- Bảng kê vàng bạc, kim khí quý, đá quý (mẫu số 07-TT).

- Bảng kiểm kê quỹ- dùng cho Việt Nam đồng (Mẫu số 08a-TT).
- Bảng kiểm kê quỹ - dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý (Mẫu số 08b-TT).
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09-TT).

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 111 – tiền mặt để phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt của doanh nghiệp.

Tài khoản 111 có 3 tài khoản cấp 2 :

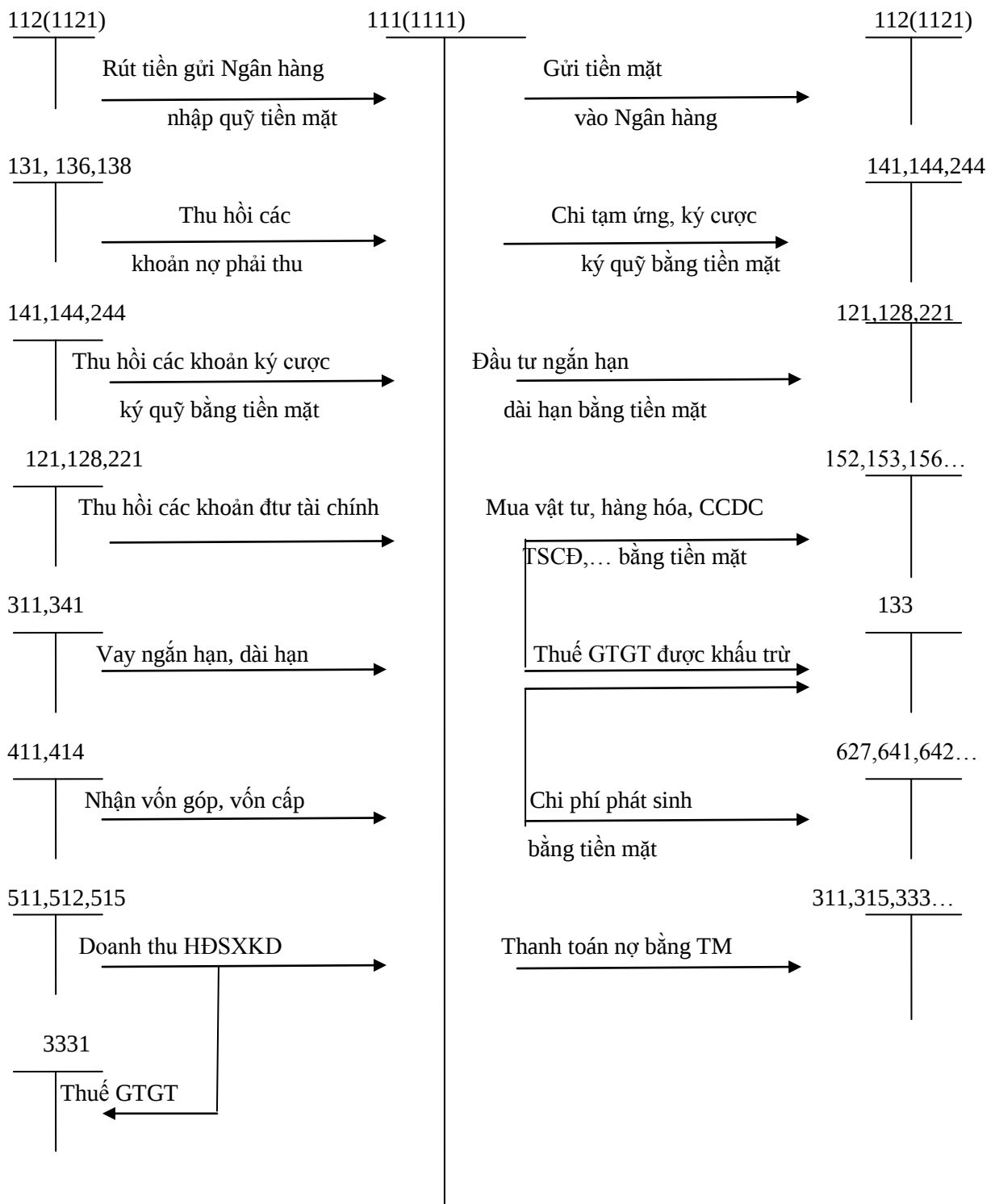
- TK 1111- Tiền Việt Nam : phản ánh tình hình thu chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.
- TK 1112- Ngoại tệ : phản ánh tình hình thu chi, tăng giảm tỉ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.
- TK 1113- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý : phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất, tồn quỹ.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111

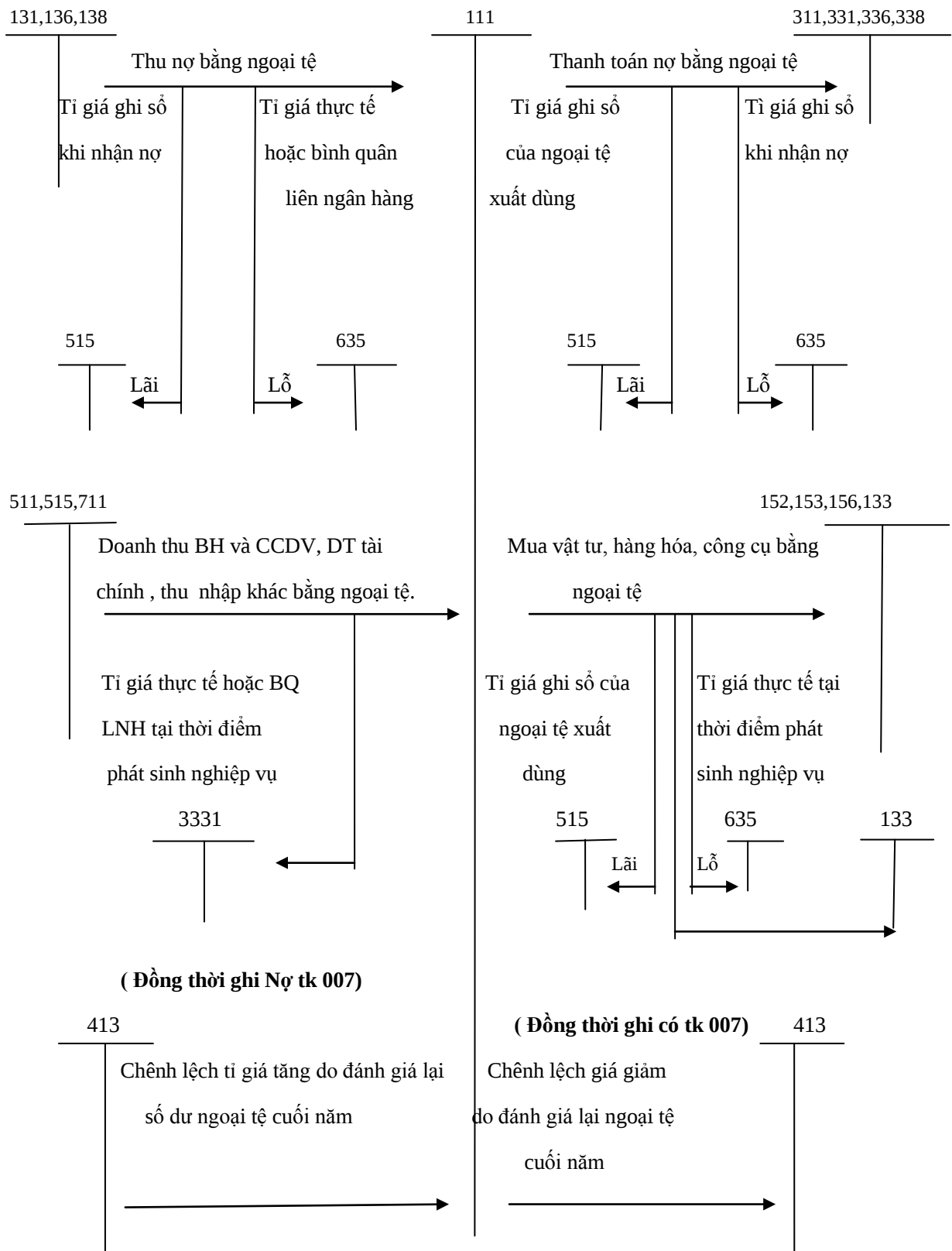
Nợ	TK 111	Có
<u>Số dư đầu kì</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý còn tồn quỹ tiền mặt từ kì trước. Số phát sinh tăng - Các khoản tiền, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ. - Số tiền thừa ở quỹ tiền mặt phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tỉ giá ngoại tệ tăng khi điều chỉnh tỉ giá. <u>Số dư cuối kì</u> Các khoản tiền mặt, ngoại tệ kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.		Số phát sinh giảm - Các khoản tiền, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. - Chênh lệch tỉ giá ngoại tệ giảm khi điều chỉnh tỉ giá. - Số dư Nợ : các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ tiền mặt.

1.2.1.3 Hạch toán kế toán tiền mặt tại quỹ.

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam

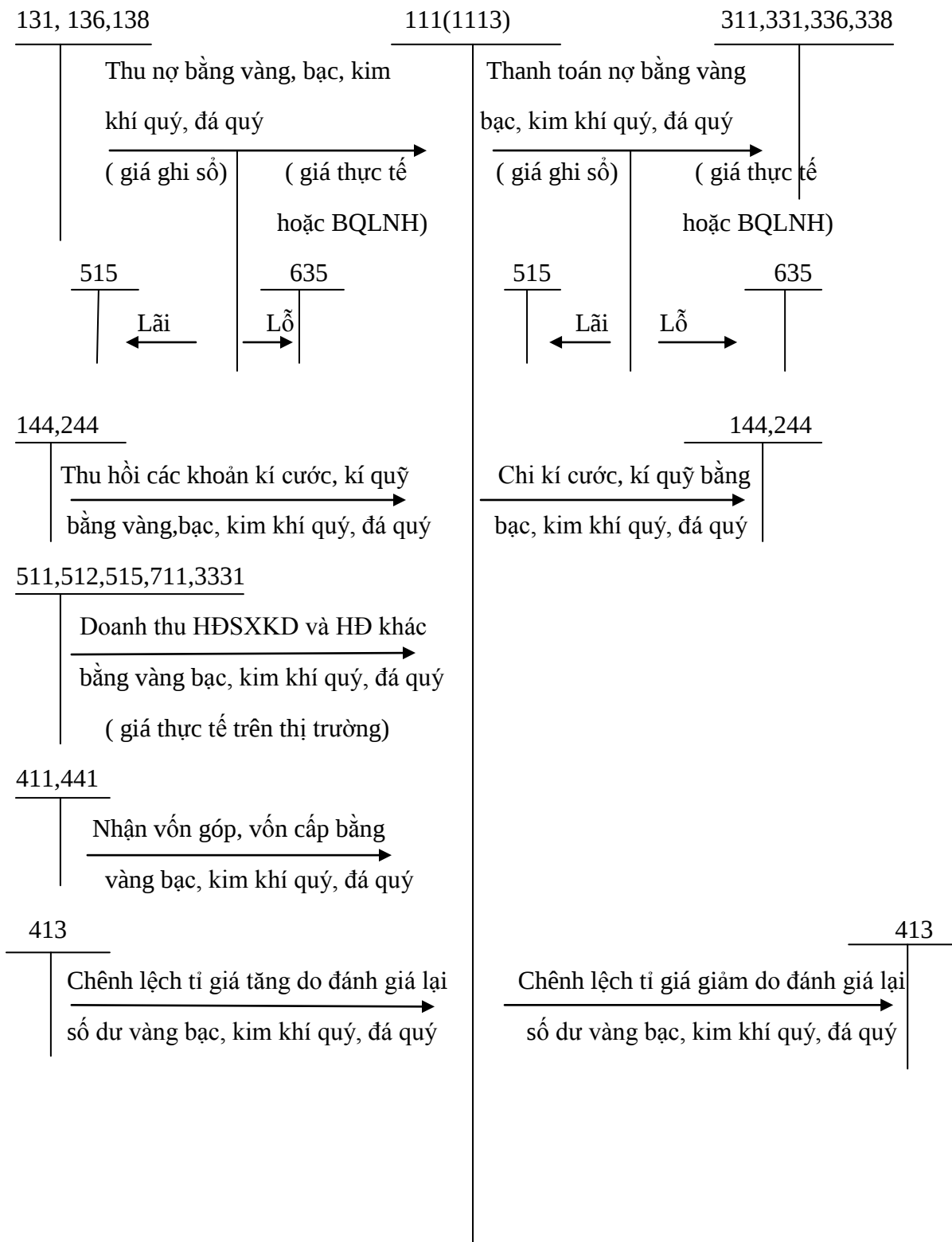


Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán kế toán tiền mặt là ngoại tệ.



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn tk 007- Ngoại tệ các loại.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán kế toán tiền mặt là vàng bạc, kim khí quý, đá quý.



1.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng trong doanh nghiệp.**1.2.2.1 Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có, các bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác : Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

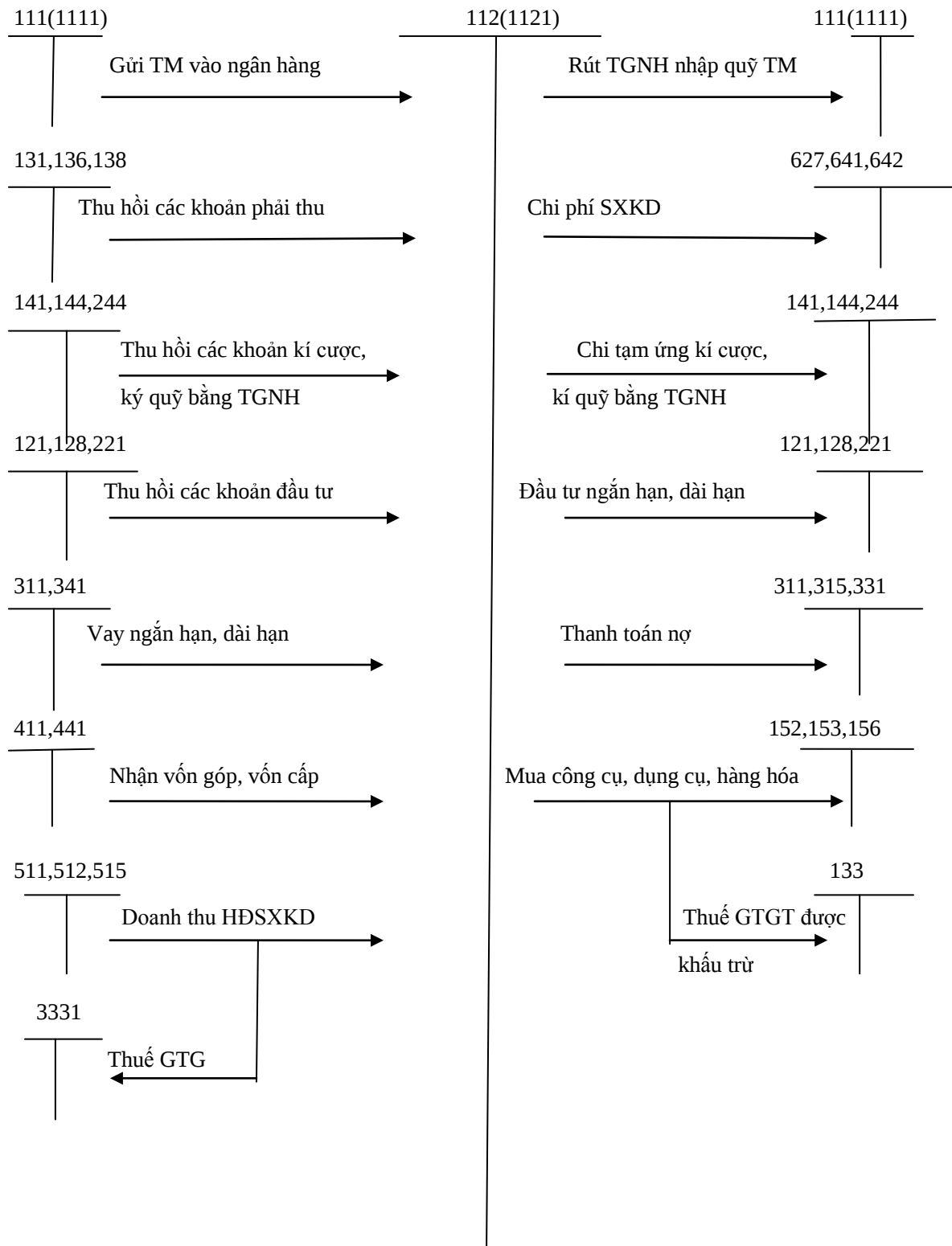
Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng : phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản tiền gửi của doanh nghiệp vào ngân hàng, kho bạc và các công ty tài chính.

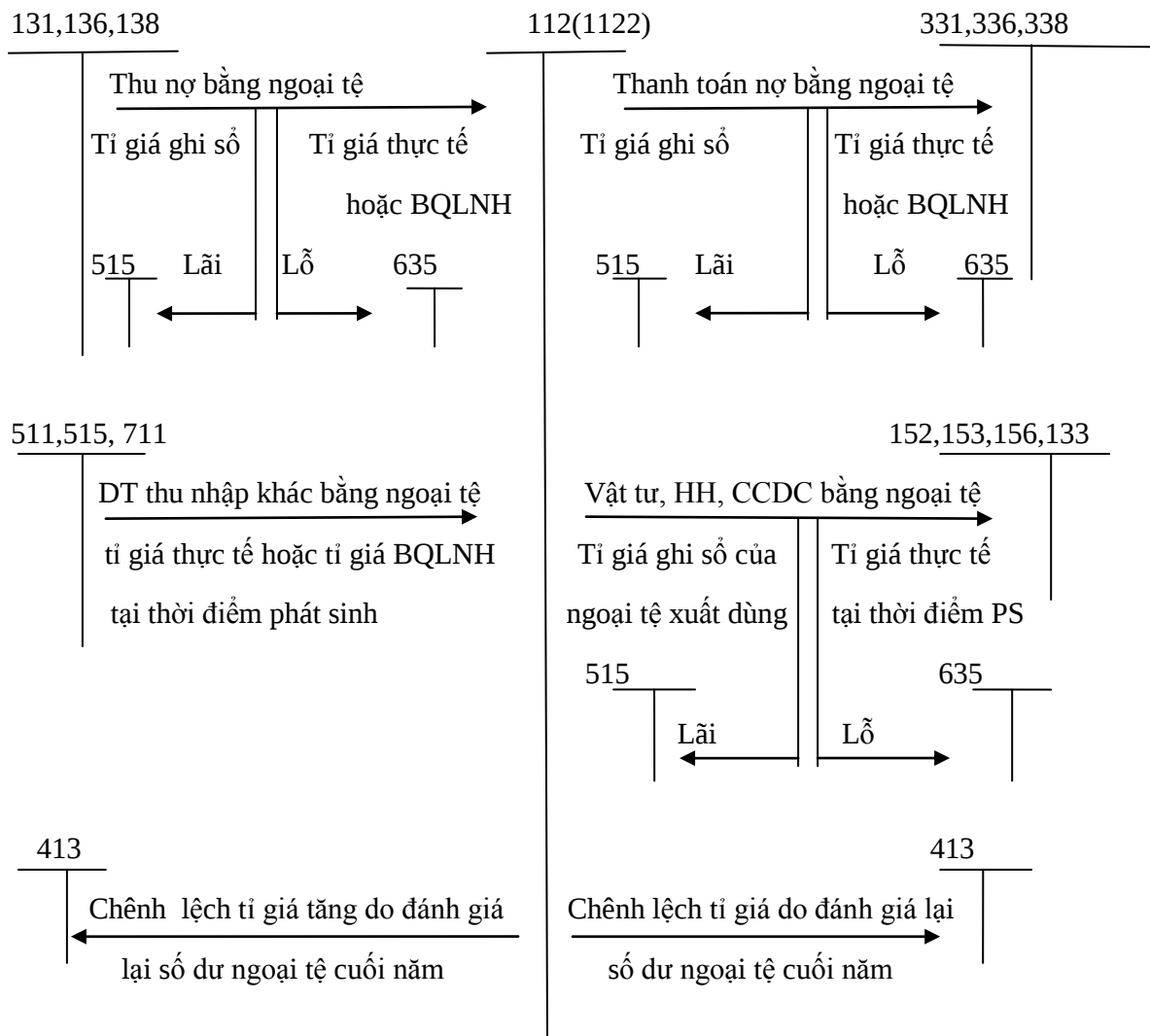
Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

- 1121- Tiền Việt Nam : phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng
- 1122- Ngoại tệ : phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.
- 1123- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng.

- Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 112.

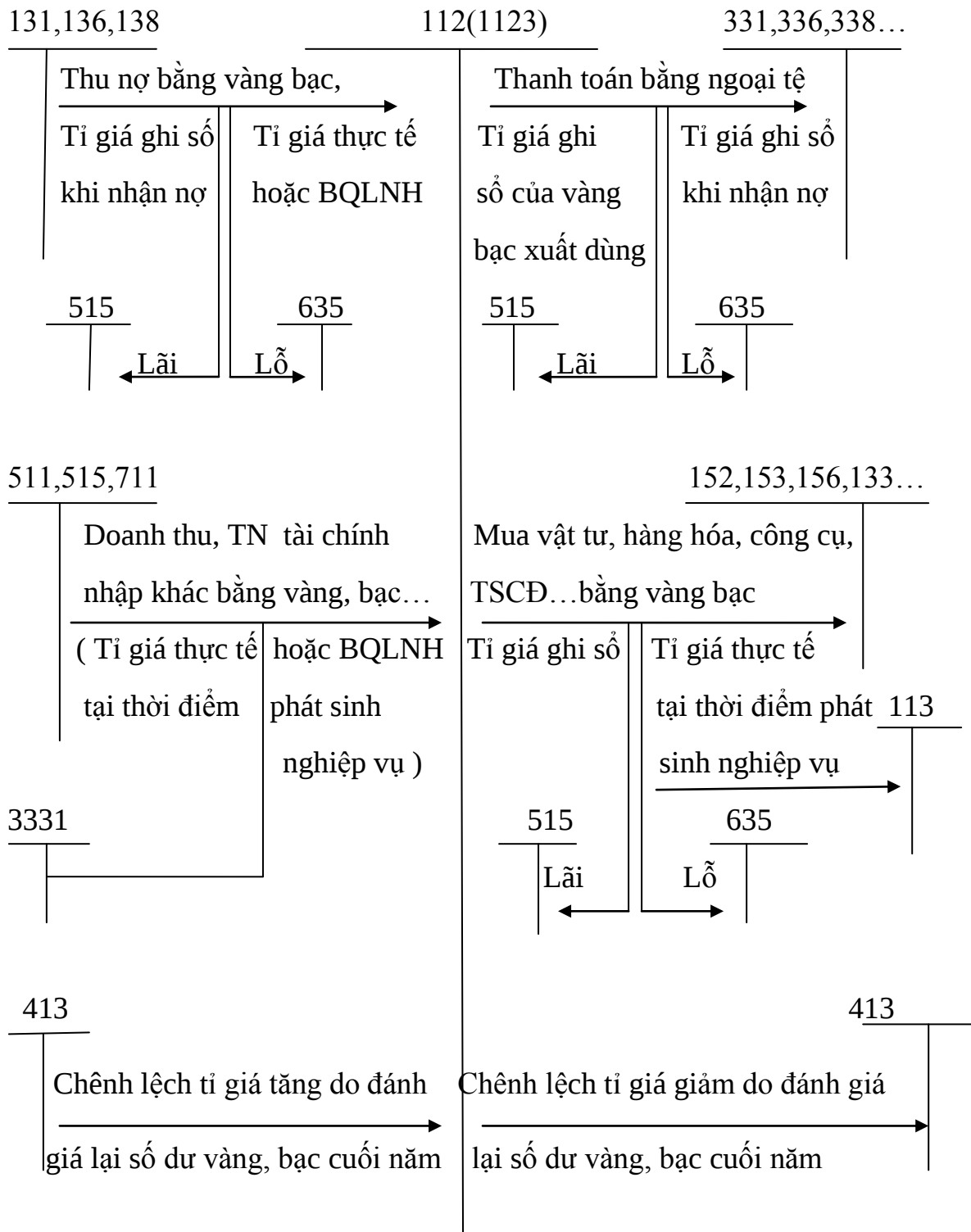
Nợ	TK112	Có
<u>Số dư đầu kì</u> Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ vàng bạc kim khí quý đá quý còn tồn tại ngân hàng từ kì trước		
<u>Số phát sinh tăng</u> -Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng. -Chênh lệch tăng tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kì.		<u>Số phát sinh giảm</u> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kì.
<u>Số dư cuối kì</u> Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng		

1.2.2.3 Hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.**

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.

Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn tk 007 – Ngoại tệ các loại.

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng (vàng bạc, kim khí quý, đá quý).



1.2.3 Kế toán tiền đang chuyển trong doanh nghiệp.

Tiền đang chuyển : Là các khoản tiền mà doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc hoặc đã gửi qua bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay người được hưởng và đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có và bảng sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

1.2.3.1 Nguyên tắc hạch toán

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Khi đã đối chiếu với ngân hàng, tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần.
- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.

1.2.3.2 Chứng từ và sổ sách sử dụng.

- Giấy báo nộp tiền,
- Bảng kê nộp séc.
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như: séc các loại, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- Sổ kế toán tiền đang chuyển.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng.**Tk 113 :** Tiền đang chuyển

Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

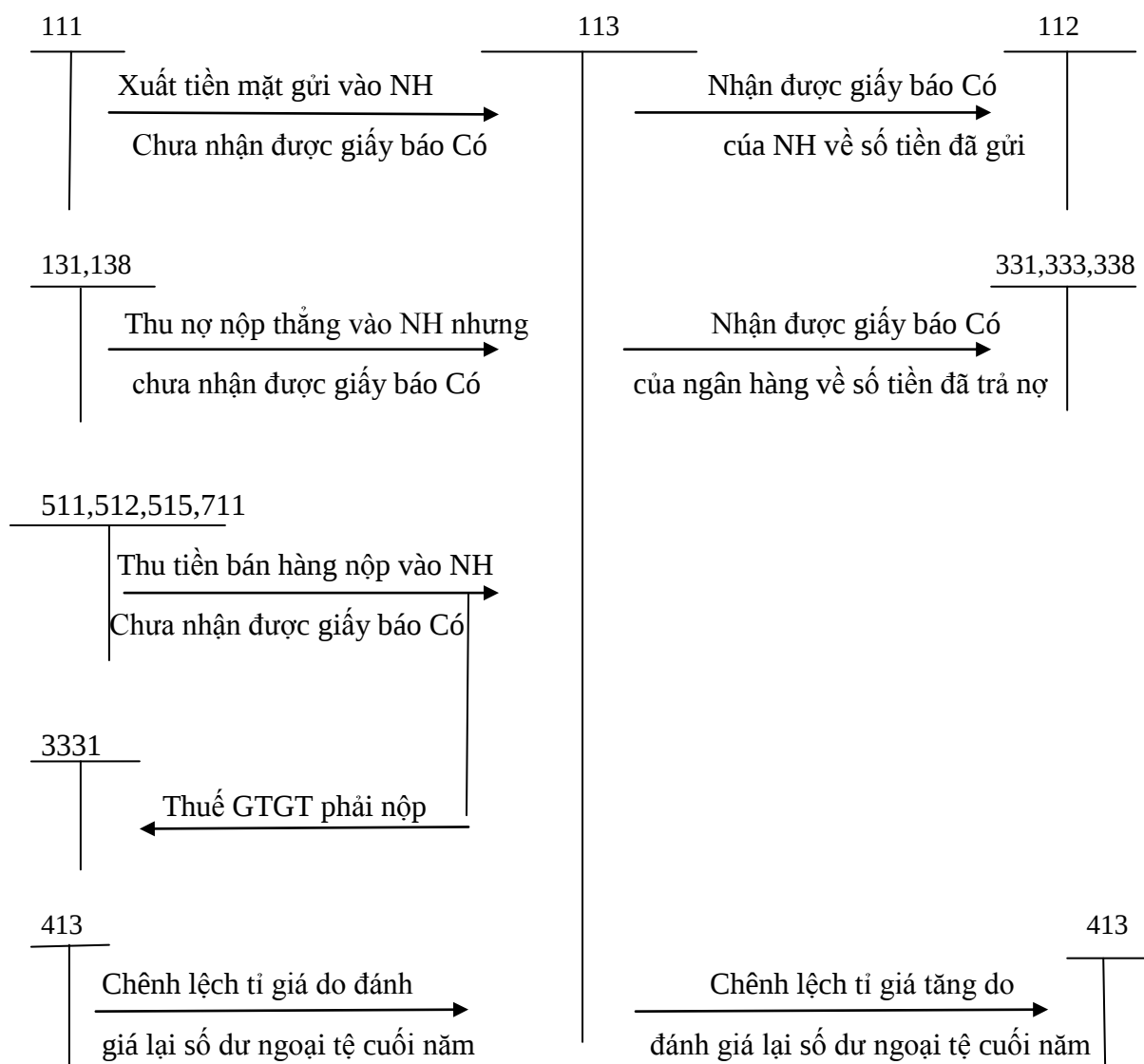
- Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132 - Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 113.

Nợ	TK113	Có
Số phát sinh tăng -Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có. -Chênh lệch tăng tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kì. <u>Số dư cuối kì</u> Khoản tiền đang còn chuyển cuối kì.		Số phát sinh giảm Số kết chuyển vào TK112- tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan.

1.2.3.4 Hạch toán kế toán tiền đang chuyển.

Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán kế toán tiền đang chuyển.



1.3 Tổ chức vận dụng sổ sách trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Theo Chế độ sổ kế toán doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, gồm: Các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

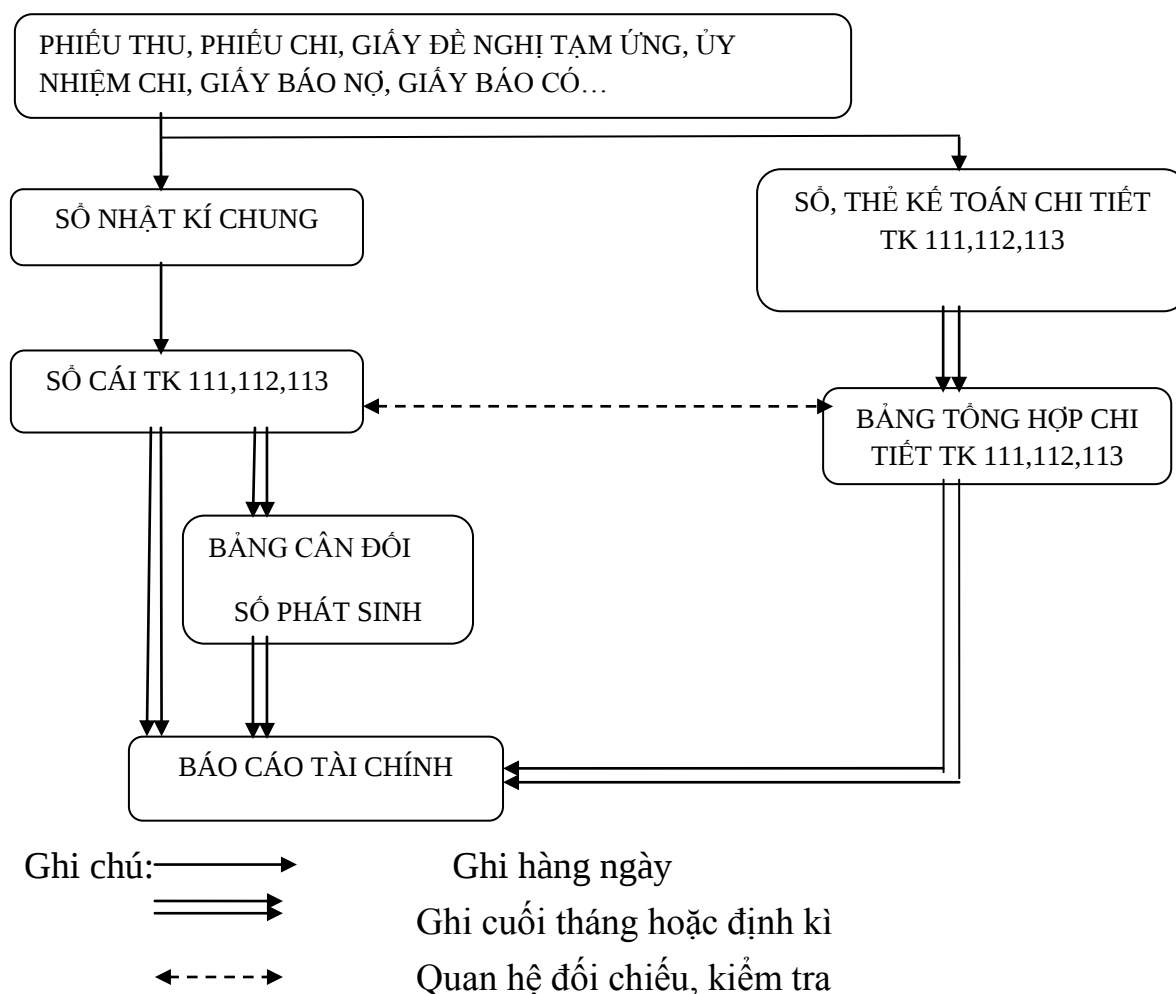
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung (NKC)

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung nghiệp vụ kinh tế. Sau đó lấy số liệu trên Sổ Nhật ký để ghi vào Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết

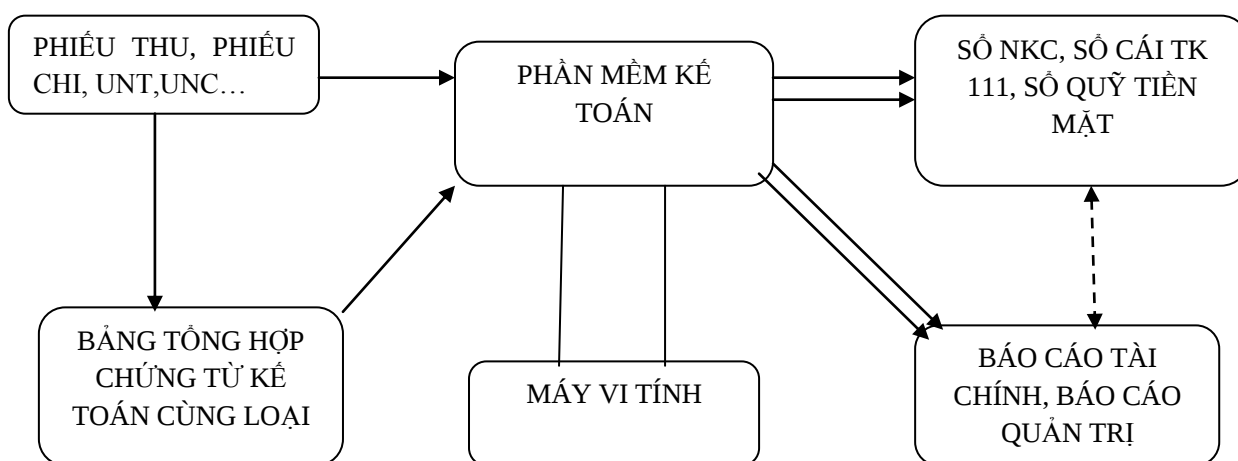
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện như sau :



1.3.2 Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính thể hiện như sau:



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kì
- ←-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

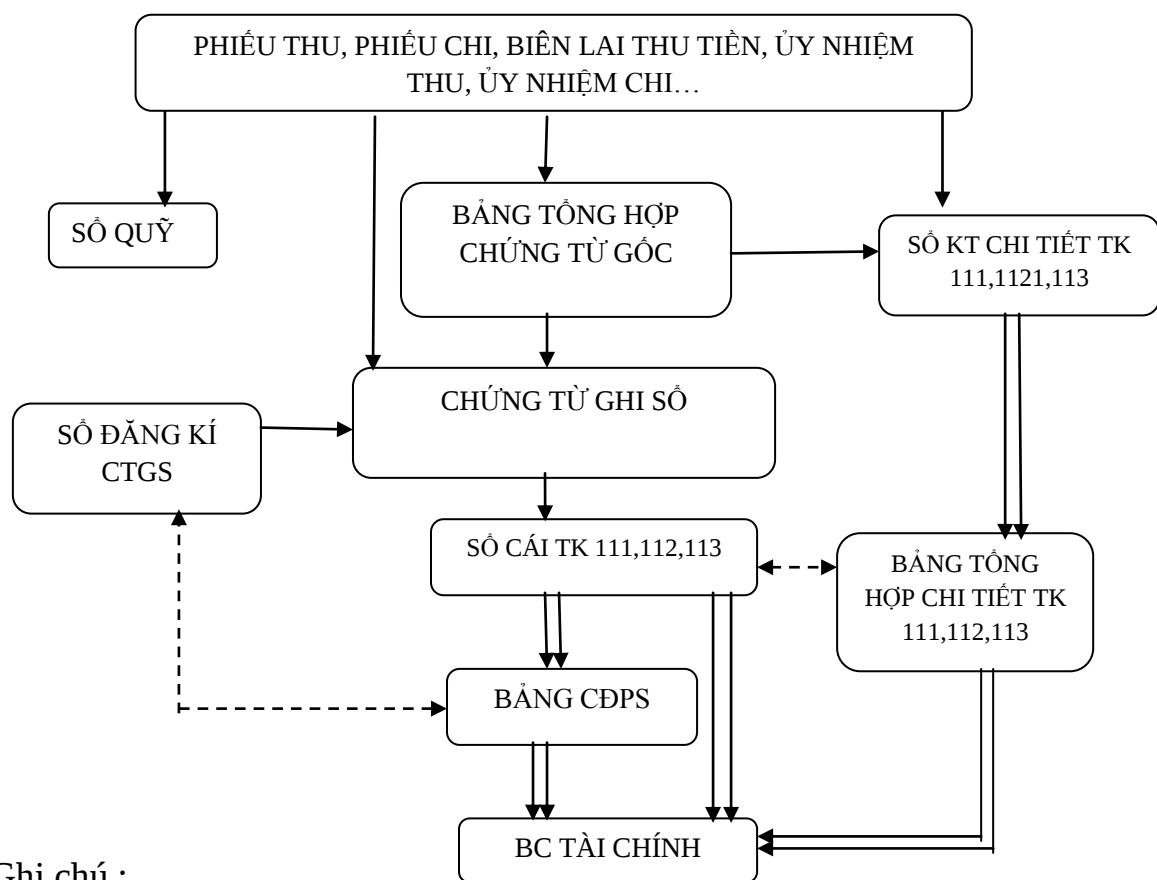
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái, Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện như sau:



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày hoặc định kì.

====> Ghi cuối tháng.

<-----> Quan hệ đối chiếu.

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

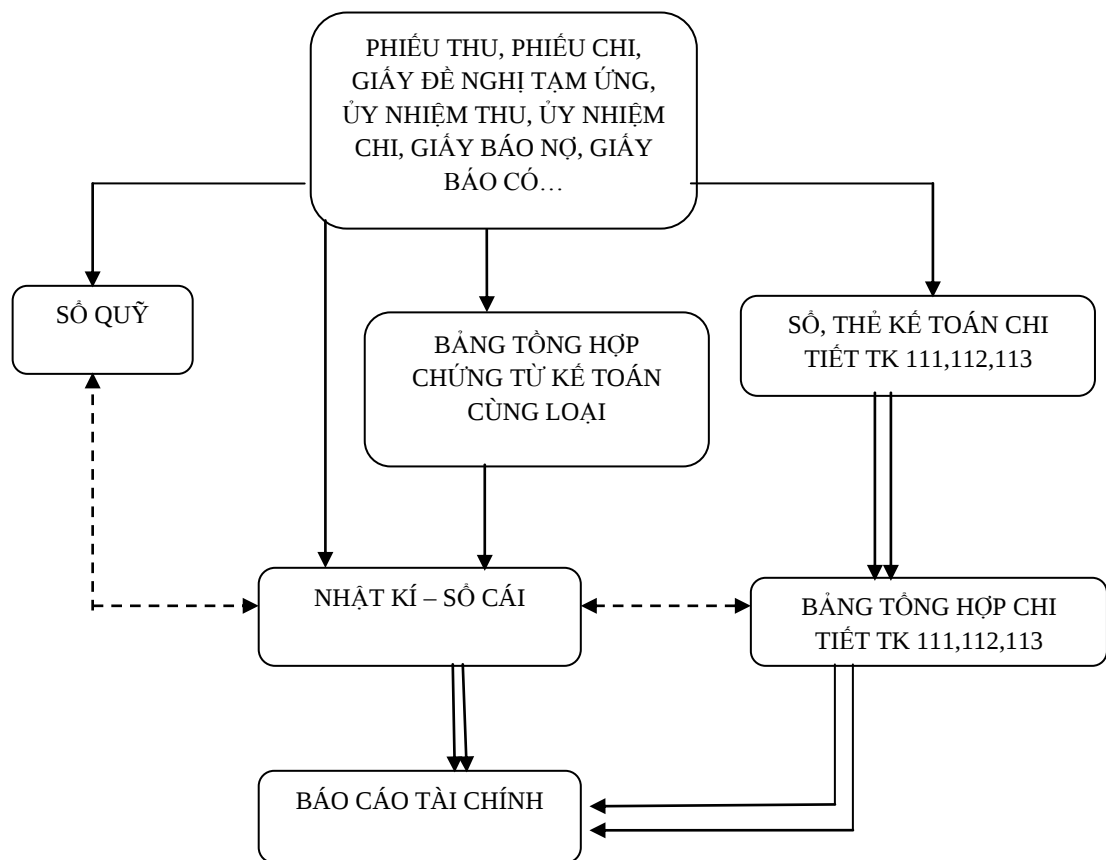
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái là các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo

nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được thể hiện như sau:



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày hoặc định kì.

====→ Ghi cuối tháng.

←-----→ Quan hệ đối chiếu

1.3.5 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ.

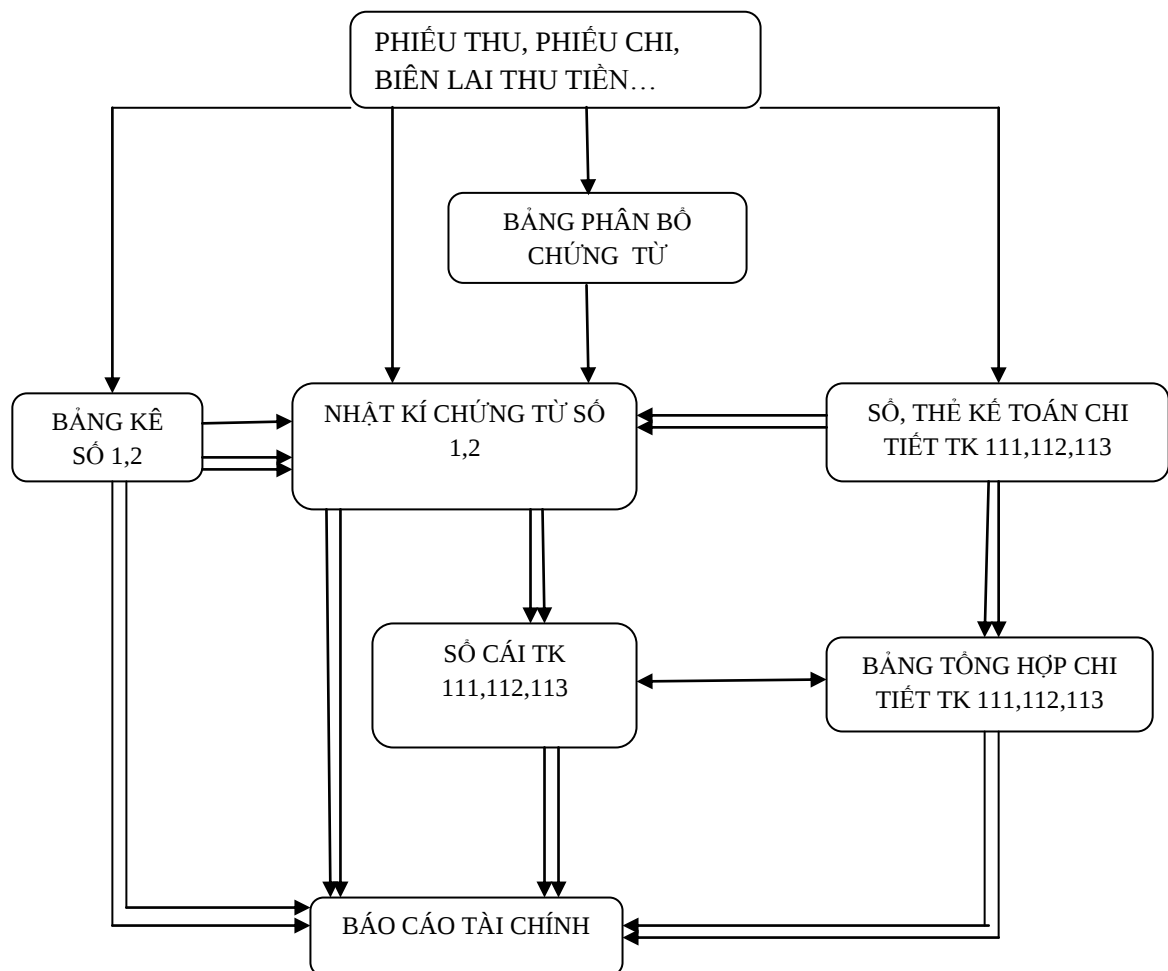
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ là tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ, kết

hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản), kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép, sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ, bảng kê, sổ cái, sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ thể hiện như sau:



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày hoặc định kì.

====→ Ghi cuối tháng.

←-----→ Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Việt Trường.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Tên gọi: Công ty TNHH Việt Tr- ờng

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200421340

ĐT: 0313.742.563

Fax: 0313.742.960

Email: Viettruongcoltd2006@gmail.com

Số tài khoản tại ngân hàng ngoại th- ơng: 0031000071876

Số tài khoản tại ngân hàng công th- ơng: 102010000300154

Số tài khoản tại ngân hàng NN và PTNT: 210031000471

Công ty TNHH Việt Tr- ờng có trụ sở và cơ sở sản xuất trong khuôn viên khoảng gần 5.000m² tọa lạc tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm-TP Hải Phòng, đ- ợc hình thành từ năm 2001 với ngành nghề kinh doanh chính là "Kinh doanh chế biến thủy hải sản xuất khẩu". Là Công ty còn non trẻ, nhưng công ty đã khẳng định được chỗ đứng của mình cả thị trường trong nước và quốc tế. Có được điều đó là nhờ ý chí dám nghĩ, dám làm, sự đồng lòng chung sức của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong công ty.

Lãnh đạo công ty đã tự khẳng định sự năng động đầy bản lĩnh của mình bằng những phương án táo bạo trong điều kiện và khả năng kinh tế ban đầu đầy hạn hẹp, lấy hiệu quả làm thước đo cho mọi hoạt động, tận dụng mọi khả năng, thời cơ để mở rộng quan hệ, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, từng bước khẳng định vị trí của công ty trên thị trường thủy sản, chèo lái con thuyền bé nhỏ của công ty vượt qua bao nhiêu thử thách để đưa Việt Trường trở thành một trong những đơn vị điển hình của ngành thủy sản Hải Phòng ngày nay.

Công ty đã không ngừng đầu t- vào nhà x- ưởng, nâng cấp cũng nh- cải tiến máy móc thiết bị, nâng cao khả năng cạnh tranh, kích thích tăng năng suất lao động, cải thiện chế độ l- ơng th- ưởng cho ng- ời lao động, sản phẩm chất l- ượng, mẫu mã đa dạng, giá thành cạnh tranh, cho nên kết quả kinh doanh ngày càng đi lên. Hiện nay, Công ty đang từng bước đưa sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định đồng thời mở rộng quy mô kinh doanh trên mọi lĩnh vực.

Sản phẩm chính:

1. Mực - Mực ống đông lạnh Sushi (Frozen Squid), mực tuýt (Squid Tube), mực cắt khoanh (Squid Ring), mực khoanh nhúng (Blanched rings Squid), mực nang Fillet IQF (Cuttle Fish IQFF Fille)
2. Tôm: - Tôm sú, tôm thẻ. Được sản xuất với các sản phẩm: Tôm nguyên con (HOSO), tôm A1 (HLSO), tôm PD, tôm PUD, tôm FPD.
3. Cá: - Cá đông quéo Fillet (Amadai fillet), cá hồ nguyên con (Whole hair tail Fish), cá thu fillet (Spanish mackerel Fillet), cá khô (Dried Fish), các loại cá,...

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.1 Ngành nghề kinh doanh của công ty.

Công ty TNHH Việt Tr-ờng là một doanh nghiệp chuyên chế biến, xuất khẩu thủy hải sản. Các mặt hàng chiến l-ợc trong hoạt động xuất khẩu gồm Chả cá(Surimi) xuất khẩu, Bột cá, Tôm, Mực đông lạnh..., bên cạnh đó doanh nghiệp còn kinh doanh rất nhiều mặt hàng bán nội địa nh- : Cá tầm gia vị, chả cá, cá cấp đông nguyên con...

2.1.2.2 Đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về sản xuất :

Nguồn nguyên liệu chủ yếu cho hoạt động chế biến của doanh nghiệp đ-ợc thu mua tại ng- tr-ờng Vịnh Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. Để thu gom và chuyển nguyên liệu về x-ởng chế biến, công ty chuẩn bị đội tàu thu mua và xe chuyên dụng đạt tiêu chuẩn để phục vụ.

Việc sản xuất từ khâu nguyên liệu ---->xử lý----->bao gói---->bảo quản đều đ-ợc kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất l-ợng HACCP.

Ngoài vệ sinh an toàn thực phẩm thì công tác xử lý chất thải cũng đ-ợc doanh nghiệp quan tâm. Hệ thống xử lý n-ớc thải gồm có bể lọc và hố ga đảm bảo tiêu chuẩn. Chất thải rắn hay phế liệu từ chế biến cá đ-ợc doanh nghiệp đ-a vào chế biến thức ăn gia súc(Bột cá).

- Về kinh doanh:

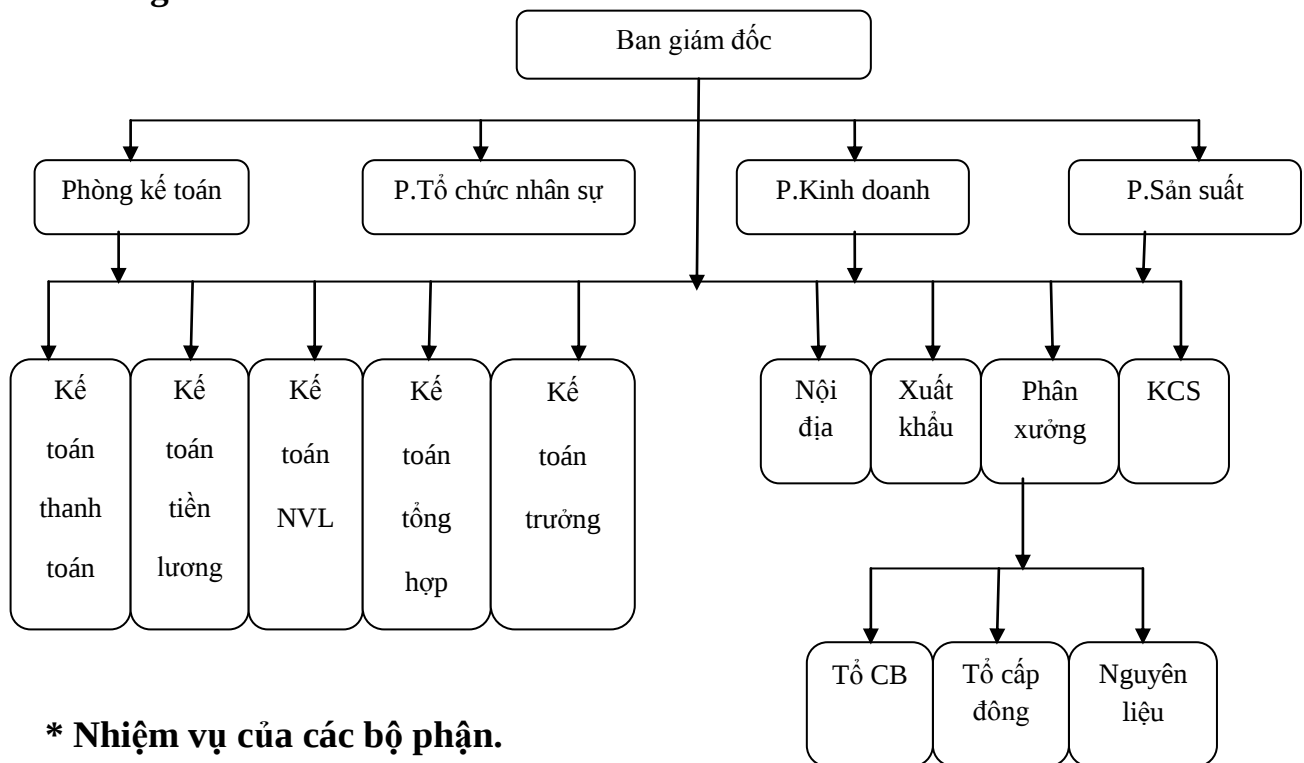
Hoạt động kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp là xuất khẩu thủy hải sản t-ới sống và thủy hải sản đã qua chế biến. Sản phẩm chiến l-ợc của công ty là Chả cá(Surimi) trong các năm gần đây đ-ợc chế biến và xuất khẩu với số l-ợng lớn. Thị tr-ờng nhập khẩu mặt hàng này là Hàn quốc, Nhật bản và Singapo....., bên cạnh đó doanh nghiệp còn xuất khẩu các mặt hàng nh- Tôm, mực ống....và nhiều loại thủy sản khác.

Hoạt động kinh doanh trong nước phần lớn là nghiệp vụ thu mua nguyên vật liệu. Trong khoảng thời gian gần đây doanh nghiệp đẩy mạnh hơn hoạt động kinh doanh trong nước, tập chung cả hai mặt xuất khẩu và tiêu thụ nội địa nhằm hỗ trợ cho nhau cùng phát triển.

2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Việt Trường. Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với quy mô kinh doanh của công ty. Bộ máy quản lý chặt chẽ với trình độ chuyên môn cao tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của công ty.

Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Việt Trường.



* Nhiệm vụ của các bộ phận.

- Ban giám đốc.
 - Giám đốc là đại diện có tư cách pháp nhân, có thẩm quyền cao nhất có nhiệm vụ quản lý trên cơ sở chấp hành đúng đắn chủ trương chính sách của nhà nước. Giám đốc là người đại diện cho toàn bộ công nhân viên của công ty trước pháp luật.
 - Phó giám đốc là chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực phụ trách của mình, nhưng cũng có quyền tham mưu cho Giám đốc trong việc ra quyết định cũng như được quyền thay mặt Giám đốc (khi được Giám đốc uỷ quyền) ra quyết định và điều hành công việc.

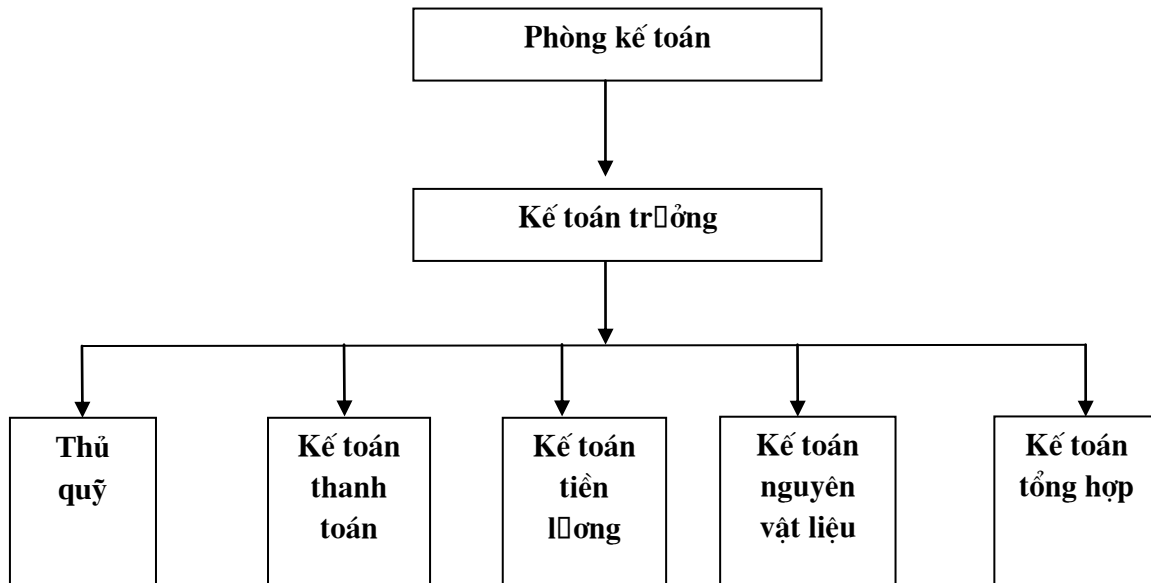
- Các phòng ban.
 - Phòng sản xuất : Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất tại các phân xưởng. Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đề xuất sản phẩm không phù hợp. Chịu trách nhiệm quản lý, vận chuyển sản phẩm cho khách hàng...
 - Phòng kinh doanh: Đây là bộ phận hết sức quan trọng, đóng vai trò chủ chốt trong Công ty. Đảm bảo đầu vào và đầu ra của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng. Lập và phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho Công ty, hàng quý và hàng tháng cho các phân xưởng sản xuất. Lập lệnh sản xuất cho các phân xưởng, duy trì và nâng cao nguồn hàng cho Công ty. Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác Marketing trong từng thời điểm.
 - Phòng tổ chức nhân sự: Lập bảng báo cáo hàng tháng về tình hình biến động nhân sự. Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý nhân sự, tổ chức tuyển dụng, bố trí lao động đảm bảo nhân lực cho sản xuất, sa thải nhân viên và đào tạo nhân viên mới. Chịu trách nhiệm soạn thảo và lưu trữ các loại giấy tờ, hồ sơ, văn bản, hợp đồng của Công ty và những thông tin có liên quan đến Công ty. Tiếp nhận và theo dõi các công văn, chỉ thị, quyết định,... Tổ chức, triển khai, thực hiện nội quy lao động của Công ty, theo dõi quản lý lao động, đề xuất khen thưởng. Thực hiện các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động như lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi...
 - Phòng kế toán: Chịu trách nhiệm toàn bộ thu chi tài chính của Công ty, đảm bảo đầy đủ chi phí cho các hoạt động lương, thưởng, mua máy móc, nguyên liệu,... và lập phiếu thu chi cho tất cả những chi phí phát sinh. Lưu trữ đầy đủ và chính xác các số liệu về xuất, nhập theo quy định của Công ty. Chịu trách nhiệm ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có, lập chứng từ về sự vận động của các loại tài sản trong Công ty, thực hiện các chính sách, chế độ theo đúng quy định của Nhà nước. Lập báo cáo kế toán hàng tháng, hàng quý, hàng năm để trình Ban Giám đốc.

2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp

từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán.

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.



*** Nhiệm vụ từng bộ phận**

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại công ty, lập báo cáo và phân tích báo cáo tài chính chi tiết cho giám đốc, lập hồ sơ quyết toán thuế cuối năm và làm việc với các bên có liên quan.

- Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ theo dõi công nợ, theo dõi việc thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kiểm soát các chứng từ liên quan đến thu chi có hợp lệ hay không, tiến hành các giao dịch cần thiết đối với ngân hàng, ghi sổ quỹ tiền mặt hàng ngày.

- Kế toán tiền lương: Có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và trích những khoản theo lương theo tỷ lệ quy định.

- Kế toán nguyên vật liệu: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập xuất vật tư, nguyên liệu, thành phẩm, công cụ dụng cụ...

- Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm tổng hợp, xử lý số liệu, tính giá thành sản phẩm, xử lý các số liệu trên phần mềm kế toán, hỗ trợ kế toán trưởng trong việc lập và phân tích báo cáo tài chính.

-Thủ quỹ: Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại công ty, thu chi tiền khi có chứng từ của kế toán đưa sang. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán trưởng.

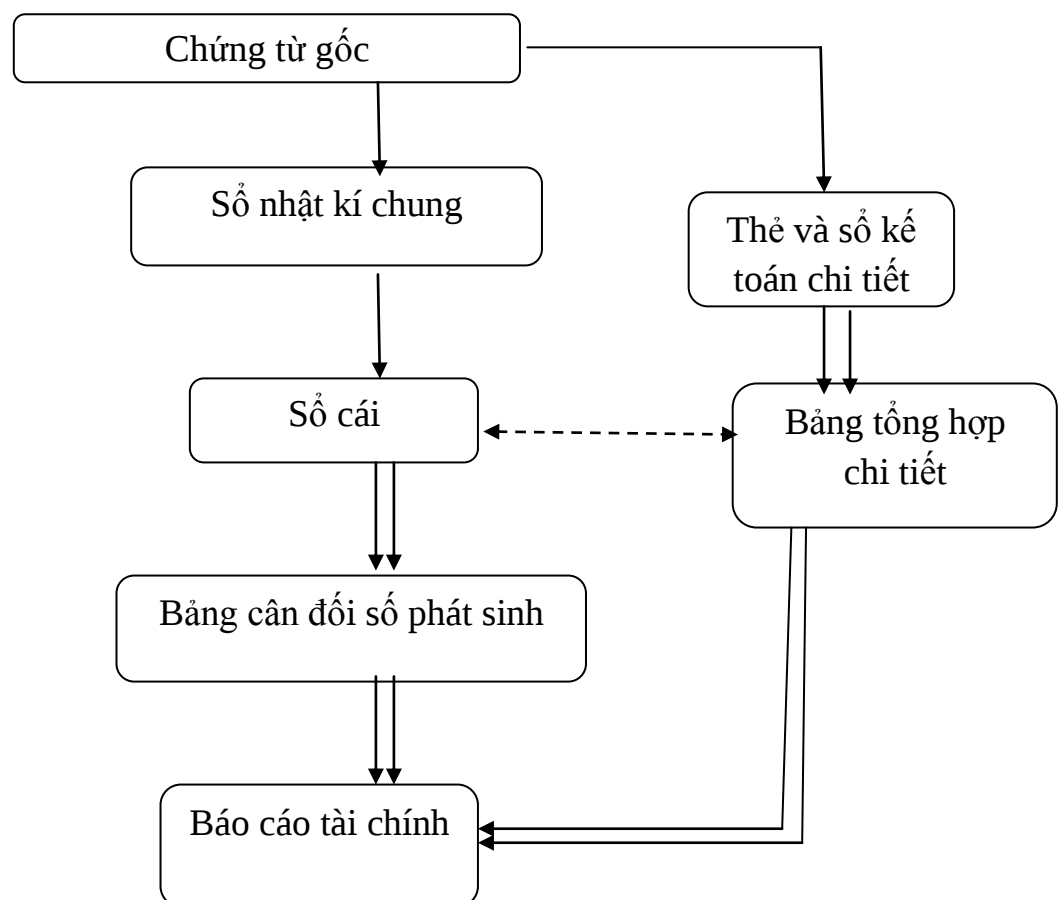
2.1.5 Đặc điểm hình thức kế toán của công ty.

Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép, hệ thống hóa và tổng hợp số liệu từ chứng từ gốc theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Như vậy, hình thức kế toán thực chất là hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán bao gồm số lượng các loại sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp, kết cấu sổ, mối quan hệ kiểm tra – đối chiếu giữa các sổ kế toán, trình tự và phương pháp ghi chép cũng như việc tổng hợp số liệu để lập báo cáo kế toán.

2.1.5.1 Hình thức kế toán của công ty.

Hiện nay công ty đang áp dụng theo hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ trình tự hạch toán nhật ký chung tại công ty TNHH Việt Trường



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- =====→ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- > Đối chiếu, kiểm tra

- Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Sổ kế toán chi tiết

- Hàng ngày: Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.1.5.2 Các chế độ áp dụng.

- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm d- ơng lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.

- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tr- ơng bộ tài chính.

- Ph- ơng pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho đ- ợc tính theo giá gốc. Tr- ờng hợp giá trị thuần có thể thực hiện đ- ợc thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện đ- ợc.

+ Ph- ơng pháp tính giá trị xuất dùng trong kỳ: Ph- ơng pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

+ Hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Ph- ơng pháp kê khai th- ờng xuyên

+ Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo ph- ơng pháp thẻ song song.

- Ph- ơng pháp tính thuế GTGT: Theo ph- ơng pháp khấu trừ

- Ph- ơng pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Khấu hao theo ph- ơng pháp đ- ờng thẳng.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

2.2.1 Đặc điểm vốn bằng tiền tại công ty.

Kế toán vốn bằng tiền của công ty TNHH Việt trường bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và công ty gần như không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển. Tiền mặt tại Công ty là một yếu tố vốn bằng tiền cấu thành trên tài sản lưu động nhằm phục vụ nhu cầu kê khai thường xuyên tại công ty. Để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công ty luôn cần một lượng tiền mặt. Số tiền mặt được ổn định ở một mức hợp lý nhất. Tiền mặt tại quỹ công ty luôn được đảm bảo an toàn và thực hiện một cách triệt để đúng theo chế độ thu, chi quản lý tiền mặt.

Tiền mặt phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại công ty. Kế toán tiền mặt mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mỗi thời điểm.

Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại ngân hàng của công ty. Khi nhận đ- ợc chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty.

2.2.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

* Chứng từ:

Trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu, phiếu chi: căn cứ vào các chứng từ liên quan (Hóa đơn giá trị gia tăng, Đơn xin rút tiền, Giấy đề nghị thanh toán...), kế toán nhập dữ liệu vào máy tính và in phiếu thu, phiếu chi. Các phiếu này khi đã được ghi đầy đủ nội dung, đính kèm với các chứng từ trên sẽ được chuyển lên giám đốc, trưởng phòng kế toán để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ để xuất, nhập quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

- + Liên 1 : lưu tại phòng kế toán.
- + Liên 2 : giao cho người nộp.
- + Liên 3 : giao cho thủ quỹ.

Phiếu chi gồm 3 liên :

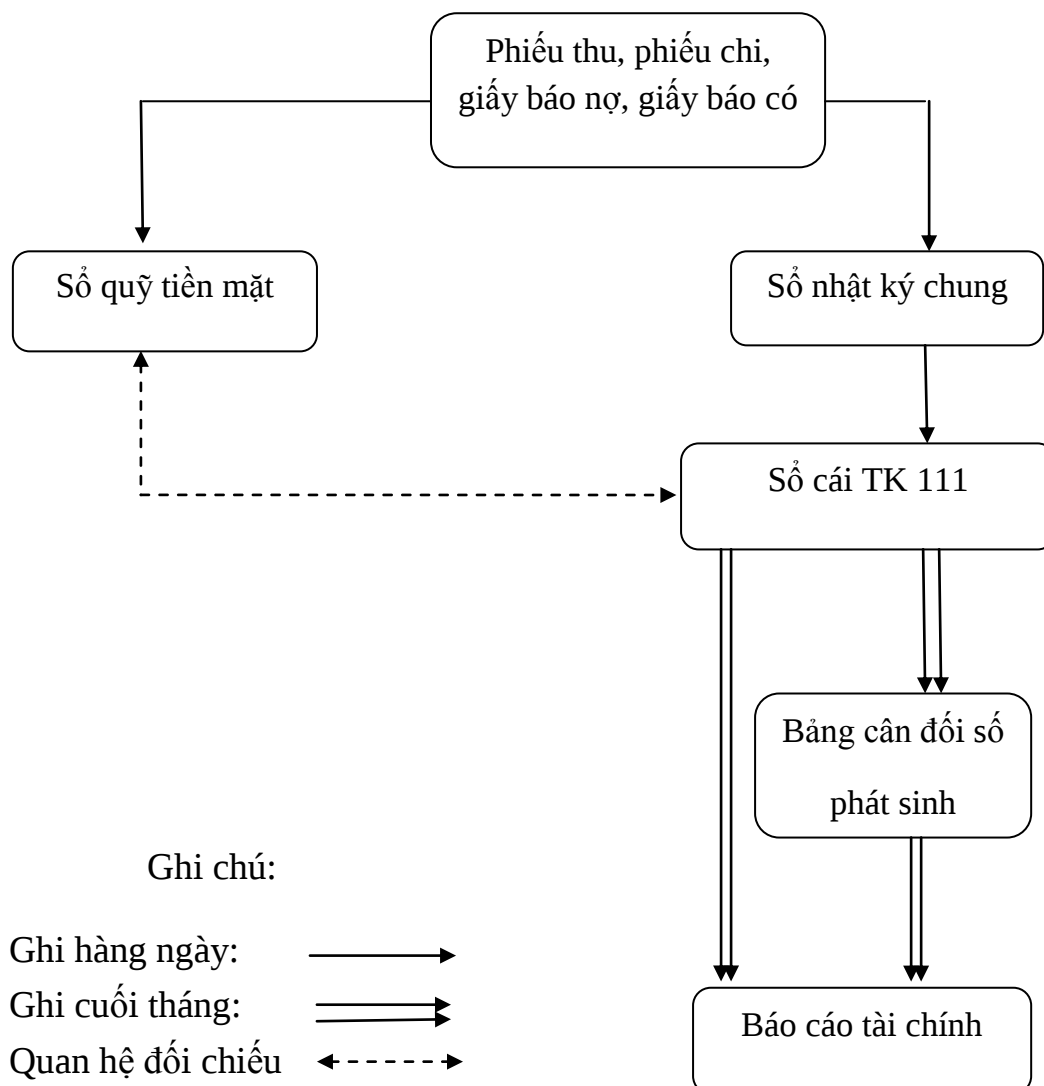
- + Liên 1 : lưu tại phòng kế toán
- + Liên 2 : giao cho người nhận
- + Liên 3 : giao cho thủ quỹ

* Tài khoản sử dụng:

- TK 111-“tiền mặt” để phản ánh tình hình thu chi tiền mặt tại công
- Các TK khác có liên quan.

2.2.2.2 Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty

Sơ đồ 2.4 Sơ đồ hạch toán tiền mặt tại quỹ tại công ty TNHH Việt Trường.



*** Một số ví dụ minh họa**

Ví dụ 1: Ngày 6 tháng 12 năm 2013 công ty chi tiền trả tiền cước mobifone với tổng số tiền là 342.135 đồng kèm theo hóa đơn GTGT số 1296051. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

❖ Căn cứ vào số tiền thực tế và các chứng từ có liên quan kế toán lập phiếu chi rút quỹ tiền mặt để thanh toán.

❖ Định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 642 : 311.032

Nợ TK 133 : 31.103

Có TK 1111 : 342.135

❖ Kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Nhật ký chung và từ phiếu chi thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt TK111

❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật ký chung kế toán tổng hợp ghi sổ và ghi sổ cái TK 111, kế toán thực hiện thoá tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.

VMS**HÓA ĐƠN (GTGT)****MOBIFONE****CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG****BILL(VAT)****Số 01GTKT02/001****TT THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V****Liên 2: Giao khách hàng****Seri: GB/11P****MOBILE TELECOM SERVICE CO. CENTER V****Số 1296051****Lô 28a Lê Hồng Phong – Q. Ngô Quyền- HP****Tel: 18001090 – Fax 031.3558869****MST 0100686209084****Khách hàng(Address) : Công ty TNHH Việt Trường****MST 0200421340****Thuê bao (Sub No) : 903222440****Mã khách hàng :****Từ ngày : 02/10/2013 đến ngày : 20/11/2013**

Khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
Cước dịch vụ thông tin di động				
Cộng tiền				311.032
Thuế suất GTGT 10%				31.103
Tổng cộng tiền thanh toán				342.135
Viết bằng chữ : Ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm ba năm đồng.				

Ngày 06 tháng 12 năm 2013

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Kí, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP
ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 6 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 02

Số: 5

Nợ: 642 311.032

Nợ: 133 31.103

Có: 1111 342.135

Họ tên người nhận tiền: *Nguyễn Thị Thu Hương*

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Trả tiền cước mobifone

Số tiền: 342.135 đồng

(Viết bằng chữ): Ba trăm bốn mươi hai nghìn một trăm ba năm đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng	(Ký, họ tên)	phiếu	tiền
	(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 12 tháng 12 năm 2013, công ty TNHH Việt Trường bán cho công ty CP du lịch Trung Hậu 63kg tôm sú NL, 180kg mực ống NL với đơn giá chưa bao gồm thuế 5% lần lượt là 105.000đồng/kg và 69.000đồng/kg theo hóa đơn GTGT 0000028. Công ty Trung Hậu đã thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt.

❖ Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000028 và các chứng từ có liên quan, kế toán lập phiếu thu số 20.

❖ Định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 1111: 19.986.750

Có TK 511: 19.035.000

Có TK 3331: 951.750

❖ Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và từ phiếu thu thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt TK 111

❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật ký chung kế toán tổng hợp và ghi sổ cái TK 111, kế toán thực hiện thoá tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.



HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1: Lưu (File)

Ngày ...12... tháng ...12... năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu (Serial): AA/13P

Số (Number): 0000028

Đơn vị bán hàng (Sale company): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT TRƯỜNG**

Mã số thuế (Tax code): **0200421340**

Địa chỉ (Address): **Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP Hải Phòng**

Điện thoại (Tel): **031.3742563** * Fax: **031.3742960**

Số tài khoản (Account code): **102010000200154** Tại (at): **Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hải Phòng**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Organization): **Công ty Cổ phần du lịch Trung Hậu**

Mã số thuế (Tax code): **0201163879**

Địa chỉ (Address): **Khu 2 Vạn Hưng - Phố Sơn - Hải Phòng**

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): **T.T.** Số tài khoản (Account code):

STT (ITEM)	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ (DESCRIPTION)	ĐV TÍNH (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (UNIT PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tôm sú NL	kg	63	105.000	6.615.000
2	Mực ống NL loại 1	kg	180	69.000	12.420.000

Cộng tiền hàng (Total): **19.035.000**

Thuế suất GTGT (VAT rate): **5%** Tiền thuế GTGT (VAT amount): **951.750**

Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total): **19.986.750**

Số tiền viết bằng chữ (In words) **Mười chín triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn, bảy trăm năm mươi đồng**

Người mua hàng

Buyer

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng

Seller

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Hàn
Mai T. Hàn

Thủ trưởng đơn vị

Chief officer

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Signature, seal, full name)

Cần

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Cty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải - Tel: 031.3836481 * MST: 0200421485

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC - HP
ĐT: 0313.742563 Fax: 0313.742960

Mẫu số : 01 - TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số : 20

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Nợ : 1111

19.986.750 đồng

Có : 131

19.986.750 đồng

Họ tên người nộp tiền : **Phạm Thị Mai Liên**

Địa chỉ : Phòng Kế Toán

Lý do thu : Thu tiền hàng HĐ 28 (Cty Trung Hậu)

Số tiền : 19.986.750 đồng

(Viết bằng chữ) : Mười chín triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng

Chứng từ kèm theo :

Chứng từ gốc

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập Phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

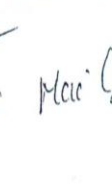
Thủ quỹ
(Ký, họ tên)











Việt Trường

Ví dụ 3 : Ngày 21 tháng 12 năm 2013, công ty nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Công Thương Việt Nam số tiền 675.000.000 đồng.

Căn cứ vào giấy nộp tiền và các chứng từ có liên quan. Kế toán lập định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 1121 : 675.000.000

Có TK 1111 : 675.000.000

- ❖ Từ chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng và đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung.
- ❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật ký chung kế toán tổng hợp và ghi sổ cái TK 112, kế toán thực hiện thoả tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.

Hàng TMCP Công Thương Việt Nam **VietinBank**

Giấy nộp tiền
Cash deposit slip

Số No _____ Ngày Date 21/12/13

Liên 2. Giao người nộp. Copy 2 Depositor's

Depositor Ngô Việt T Rường

Address Cty Việt T Rường

Account A/C number 102010000200154

Account A/C name Cty TNHH Việt Trường

Bank With Bank NHCT MP

Amount in words Sáu trăm bảy mươi lăm triệu

Amount in figures 675.000.000

Remarks Nộp TK

Thủ quỹ **Giao dịch viên** **Kiểm soát viên**
Cashier Teller Supervisor

CTY TNHH VIỆT TRƯỜNG
200 160 0165 DD160098 DD160063
21/12/2013 16:16:45 1050 1100 CSH
DR 675.000.000.00 VND 1.00000000 CF 675.000.000.00 VND 1.00000000
Phí Ngân Hàng: 0.00 VND VAT: 0.00 VND T-Total PM: 0.00 VND

ĐÃ THU TIỀN

GIẤY BẢO CỐ***Vietin Bank***

Mã GDV :

Ngày 21 tháng 12 năm 2013

Mã KH 1456

GBC 023/VB

Số TK 102010000300154

Tên tài khoản : Công ty TNHH Việt Trường

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi Có với nội dung sau :

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
	675.000.000	VND	NH Phát lệnh : Phòng thanh toán ngân quỹ. NH giữ tài khoản : Ngân hàng TMCP Công Thương- Hải Phòng Số TK : 102010000300154 Người chuyển: Công ty TNHH Việt Trường Nội dung giao dịch : Nộp tiền vào tài khoản.

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 02

Số: 22

Nợ: 1121 : 675.000.000

Có: 1111 : 675.000.000

Họ tên người nhận tiền: *Đoàn Thị Lan Anh*

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Rút quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng Công Thương Việt Nam

Số tiền: 675.000.000 đồng

(Viết bằng chữ): Sáu trăm bảy mươi năm triệu đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng	trưởng	(Ký, họ	phiếu	tiền
dấu)	(Ký, họ tên)	tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số : S03a-DN

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
							Nợ	Có
								
06/12/2013	PC5	06/12/2013	Thanh toán cước phí mobiphone	x	20	642	311.032	
				x	21	133	31.103	
				x	22	1111		342.135
								
12/12/2013	PT20	12/12/2013	Thu tiền hàng của công ty Trung Hậu	x	855	1111	19.986.750	
				x	856	511		19.035.000
				x	857	3331		951.750
								
21/12/2013	PC22	21/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	x	1001	1121	675.000.000	
				x	1002	1111		675.000.000
								

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : S07-DN

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Loại quỹ : VND

NGÀY THÁNG	SỐ CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN		
	PT	PC		THU	CHI	TÒN QUỸ
			Dư nợ đầu tháng			<u>1.112.626,75</u>
						
06/12/2013		PC5	Thanh toán tiền điện thoại mobifone		342.135	1.069.988.715,75
						
12/12/2013	PT20		Xuất bán thủy sản các loại (Cty Trung Hậu)	19.986.750		1.089.975.465,75
						
21/12/2013		PC22	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng		675.000.000	414.975.465,75
						
			Tổng số phát sinh	16.145.721.218	16.145.515.737	
			Số dư cuối tháng			<u>1.318.107,75</u>

Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**TK 111- Tiền mặt**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<u>1.112.626,75</u>	
						
06/12/2013		PC5	Thanh toán tiền điện thoại mobifone	642		311.032
				133		31.103
						
12/12/2013	PT20		Xuất bán thủy sản các loại (Cty Trung Hậu)	511	19.035.000	
				3331	951.750	
21/12/2013		PC22	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1121		675.000.000
						
			Tổng số phát sinh		16.145.721.218	16.145.515.737
			Số dư cuối tháng		<u>1.318.107,75</u>	

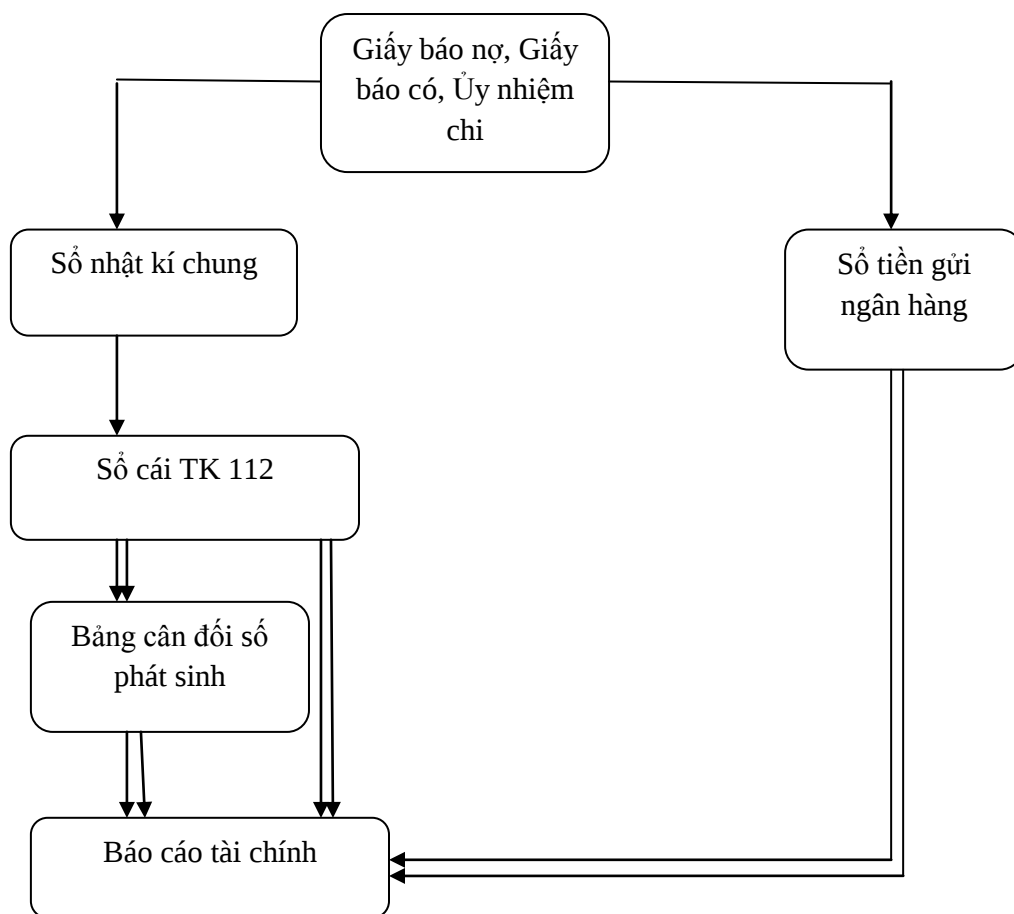
2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH Việt Trường.

2.2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

* Chứng từ : Giấy báo nợ, giấy báo có, Ủy nhiệm chi và các chứng từ có liên quan khác

* Tài khoản : - Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng.
- Và các tài khoản khác có liên quan.

2.2.3.2 Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty TNHH Việt Trường



Ghi chú :

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

***Một số ví dụ minh họa.**

Ví dụ 1: Ngày 11 tháng 12 năm 2013 công ty nộp tiền vào tài khoản ngân hàng TMCP Quân đội – Phòng GD Hải An số tiền 300.000.000 đồng.

- ❖ Căn cứ vào giấy báo có và các chứng từ có liên quan, kế toán lập phiếu chi số 22
- ❖ Định khoản nghiệp vụ :
 Nợ TK 1121: 300.000.000
 Có TK 1111: 300.000.000
- ❖ Kế toán ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Nhật kí chung và ghi sổ quỹ tiền mặt.
- ❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật kí chung kế toán tổng hợp ghi sổ và ghi sổ cái TK 111, kế toán thực hiện thoá tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.

NGÂN HÀNG TMCP

Mã GDV :

QUÂN ĐỘI

Mã KH: 56123

GBC20/KT

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 11 tháng 12 năm 2013

Kính gửi : **Công ty TNHH Việt Trường**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có :

Số tiền bằng số : 300.000.000

Số tiền bằng chữ : Ba trăm triệu đồng chẵn.

Nội dung : Nộp tiền vào tài khoản.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Đã ký tên, đóng dấu)

VTB
NGÂN HÀNG QUÂN ĐỘI

GIẤY NỘP TIỀN

(DEPOSIT SLIP)

Ngày (Date): 11/12/2013

Liên (Slip) 2:

Số GD (Transaction no.):

Mã GDV (Teller code):

(Currency): ☒ VND ☐ USD ☐ EUR ☐ Khác (Others)

Người nộp tiền (Depositor's name): Mai Thị Hân

Địa chỉ (Address): Công ty TNHH Việt Trường

Điện thoại (Phone no.):

Họ chiếu số (ID/PP no.): 031.537.784

Ngày cấp (Date of issue):

Nơi cấp (Place of issue): C. Hải Phòng

Người nhận tiền (Receiver's name): Công ty TNHH Việt Trường

Tài khoản (Account no.): 25711.002.16005

Số tài khoản (Account no.):

Chi nhánh (At bank): Quân Đội - P. Hải Phòng

Thành phố (Province/City):

Họ chiếu số (ID/PP no.):

Ngày cấp (Date of issue):

Nơi cấp (Place of issue):

Địa chỉ (Address):

(Detail): Nộp tiền vào tài khoản

Số (Amount in figures): 300.000.000

Chữ (Amount in words): Ba trăm triệu đồng

Phần dành cho Ngân hàng		
Tài khoản ghi có (Credit account)		
Số tài khoản (Account no.):		
BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP		
(LIST OF CURRENCY)		
Mệnh giá (Denomination)	Số lượng (Quantity)	Thành tiền (Amount)
Tổng (Total):		

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
PHÒNG GD HẢI PHÒNG
ĐÃ THU TIỀN

Người nộp tiền (Depositor): Hân Thị Hân

Giao dịch viên (Teller):

Thủ quỹ (Cashier):

Kiểm soát (Supervisor):

Ví dụ 2 : Ngày 12/12/2013 trích tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thanh toán tiền hàng cho công ty TNHH vật tư công nghệ phẩm TTN số tiền 23.374.998 đồng.

❖ Căn cứ vào lệnh chi và các chứng từ liên quan, kế toán lập định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 331 : 23.374.998

Có TK 1121 : 23.374.998

❖ Từ chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng và đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung.

❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật ký chung kế toán tổng hợp và ghi sổ cái TK 112, kế toán thực hiện thoá tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.

Ng TMCP Công Thương Việt Nam

VietinBank

Lệnh chi
Payment Order

Số No _____ Ngày Date 12/12/2013

Liên 2 Dành cho khách hàng Copy 2 Customer's Copy

Trả tiền Payer Công ty TNHH Việt Trường
 Số Debit A/C 10201 0000 200154
 Ngân hàng With Bank Công - Thương HP
 Số chữ Amount in words Hai mươi ba triệu ba trăm bảy
 bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng
 Nhận tiền Payee Công ty TNHH Vật tư công nghệ phẩm
 Số Credit A/C 111 889 889
 Ngân hàng With Bank TMCP A Châu - Chi Linh Hải - Hải Phòng
 Remarks Thanh toán tiền hàng

Số tiền bằng số Amount in figures

23.374.998

Trả tiền Payer
 Accountant
 Ngày hạch toán Accounting date 12/12/2013
 Giao dịch viên Teller
 Kiểm soát viên Supervisor

Chuẩn bị A/C holder
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 VIỆT TRƯỜNG

PHÒNG
 KẾ TOÁN

GIAM ĐOC
 09:11:35 7051 8257 018 - OW/INCAS IBT IBPS - D
 74,998.00 VND 1.0000000 CR 23.374.998.00 VND 1.0000000 CTY TNHH VIỆT TRƯỜNG 10201-000020015-4 VND
 n Hàng: 30,000 VND Việt Trường T-Loan Phi: 33,000.00 VND 10201-000020015-4 VND
 DAN TIEN HANG-BH TẠI ACB CN LINH DAM-HA NOI CTY TNHH VAT TU CONG NGHE PHAM TTN 111 889 889 01307001 - N



GIẤY BẢO NỢ**Vietin Bank**

Mã GDV :

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Mã KH 1456

GBN 018/VB

Số TK 102010000300154

Tên tài khoản : Công ty TNHH Việt Trường

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi Nợ với nội dung sau :

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
	23.374.998	VND	NH Phát lệnh : Phòng thanh toán ngân quỹ. NH giữ tài khoản : TMCP Á Châu-CN Linh Đàm, Hà Nội Số TK 111889889 Người hưởng thụ: Công ty TNHH Vật tư công nghệ phẩm TTN Nội dung giao dịch : Thanh toán tiền hàng.

Ví dụ 3: Ngày 17 /12/2013 công ty mua 4000kg đường trắng của công ty TNHH Hồ Nam đơn giá 15.904,76 đồng/kg chưa bao gồm thuế GTGT 5% kèm theo hóa đơn GTGT số 0001438. Công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

❖ Căn cứ vào hóa đơn GTGT, công ty lập lệnh chi. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ về công ty.

❖ Định khoản nghiệp vụ

Nợ TK 152 : 63.619.047

Nợ TK 133 : 3.180.953

Có TK 1121 : 66.800.000

❖ Từ chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng và đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung.

❖ Đến cuối quý, từ số liệu của sổ Nhật ký chung kế toán tổng hợp và ghi sổ cái TK 112, kế toán thực hiện thoá tác khóa sổ, tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính theo quý.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT /001
 Liên 2: Giao người mua Ký hiệu: AA/13P
 Ngày 17 tháng 12 năm 2013 Số: 0001438

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HỒ NAM
 Mã số thuế: 0200739302
 Địa chỉ: Số 6/27 Hoàng Quý, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng
 Điện thoại:
 Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty TNHH Việt Trường
 Mã số thuế: 0200421340
 Địa chỉ: Công Nghiệp Vĩnh Miên - Hố Khảm - Hải Phòng
 Hình thức thanh toán CK Số tài khoản:

Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6 = 4 x 5
Điện tử	Kg	4.000	15.904,76	63.619.047
Cộng tiền hàng: 63.619.047				
Thuế suất GTGT: 5 % Tiền thuế GTGT: 3.180.953				
Tổng cộng tiền thanh toán 66.800.000				
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng chẵn				

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

PHÓ GIÁM ĐỐC

GIẤY BÁO NỢ***Vietin Bank***

Mã GDV :

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Mã KH 1456

GBN 20/VB

Số TK 102010000300154

Tên tài khoản : Công ty TNHH Việt Trường

Ngân hàng TMCP Công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi Nợ với nội dung sau :

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
	66.800.000	VND	NH Phát lệnh : Phòng thanh toán ngân quỹ. NH giữ tài khoản : 388 Lạch Tray, HP – Ngân hàng Á Châu. Số TK 10201000134786. Người hưởng thụ: Công ty TNHH Hồ Nam. Nội dung giao dịch : Thanh toán hóa đơn.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

VietinBank

Lệnh chi

Số 09, Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Liên 2 dành cho khách hàng

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Việt Trường

Tài khoản nợ : 102010000300154

Tại ngân hàng : TMCP Công Thương- Hải Phòng

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Tên đơn vị nhận tiền : Công ty TNHH Hồ Nam.

Tài khoản Có : 010345729452

Tại ngân hàng: Ngân hàng Á Châu – Hải Phòng.

Nội dung : Thanh toán tiền hàng.

Đơn vị trả tiền

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

Mẫu số : S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
								
08/12/2013	BC17	08/12/2013	Công ty nộp tiền vào tk ở ngân hàng Công Thương	x	587	1121	200.000.000	
				x	588	1111		200.000.000
								
11/12/2013	BC20	11/12/2013	Công ty nộp tiền vào tk ở ngân hàng Quân Đội	x	701	1121	300.000.000	
				x	702	1111		300.000.000
12/12/2013		12/12/2013	Thanh toán tiền hàng cho công ty TTN	x	812	331	23.374.998	
	BN18			x	813	1121		23.374.998
17/12/2013		17/12/2013	Thanh toán tiền mua đường cho cty Hồ Nam	x	910	152	63.619.047	
				x	911	133	3.180.953	
	UNC09			x	912	112		66.800.000
								
21/12/2013	BC23	21/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Công Thương	x	1001	1121	675.000.000	
				x	1002	1111		675.000.000
								

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : S08-DN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

31 tháng 12 năm 2013

TK 112- Tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng: Quân Đội – PGD Hải An

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu tháng				<u>1.060.117.055</u>
							
11/12/2013	BC20		Công ty nộp tiền vào tài khoản	1111	300.000.000		90.335.305.500
							
13/12/2013		BN19	Trả tiền hàng cho công ty Vạn Hoa	331		200.000.000	90.135.305.500
14/12/2013	BC25		Công ty Hoàng Việt nộp tiền hàng	131	100.000.000		90.235.305.500
							
			Tổng số phát sinh		175.027.252.940	175.984.405840	
			Số dư cuối tháng				<u>102.964.155</u>

Công ty TNHH Việt Trường
Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Mẫu số : S08-DN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

31 tháng 12 năm 2013

TK 112- Tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng: TMCP Công Thương Việt Nam

SỐ CT			DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	SỐ TIỀN		SỐ DƯ
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	
			Dư nợ đầu tháng				<u>130.789.526,5</u>
							
08/12/2013	BC17		Công ty nộp tiền vào tài khoản	1111	200.000.000		7.305.420.535,25
							
12/12/2013		BN18	Thanh toán tiền hàng cho công ty TTN	331		23.374.998	9.282.045.537,25
							
17/12/2013	UNC09		Thanh toán tiền mua đường cho cty Hồ Nam	152		63.619.047	7.218.426.490,25
				133		3.180.953	7.215.245.537,25
							
			Tổng số phát sinh		92.795.700.654	92.500.798.495	
			Số dư cuối tháng				<u>425.691.685,5</u>

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số : S03b-DN

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2013

TK 112- Tiền gửi ngân hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.630.420.535,25</u>	
						
08/12/2013	BC17	08/12/2013	Công ty nộp tiền vào NK Công Thương	1111	200.000.000	
						
11/12/2013	BC20	11/12/2013	Công ty nộp tiền vào NH Quân Đội	1111	300.000.000	
12/12/2013	BN18	12/12/2013	Thanh toán tiền hàng cho công ty TTN	331		23.374.998
						
17/12/2013	UNC9	17/12/2013	Thanh toán tiền mua đường cho cty Hồ Nam	152		63.619.047
				133		3.180.953
						
21/12/2013	BC23	21/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản NH Công Thương	1111	675.000.000	
						
			Cộng số phát sinh trong kỳ		256.095.732.495	257.111.748.595
			Số dư cuối kỳ		<u>614.404.435,25</u>	

CHƯƠNG 3 : HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.

3.1 Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác vốn bằng tiền tại công ty.

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mình công ty từ khi thành lập đến nay đã trải qua rất nhiều khó khăn, thử thách để có thể tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Những năm qua ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước vượt qua mọi thử thách khẳng định được vị thế của mình. Đó là kết quả phấn đấu không ngừng nghỉ, liên tục của công ty. Chính vì thế công ty đang ngày một lớn mạnh hơn, đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước.

3.1.1 Ưu điểm.

- Công ty đã tạo ra một mô hình quản lý và hạch toán khá khoa học phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, bộ máy quản lý hoạt động một cách nhịp nhàng giúp giám đốc công ty điều hành một cách hiệu quả nhất.

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, theo hình thức tập trung không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính trong việc đưa ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của Ban giám đốc, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động chuyên môn theo từng phần hành, nâng cao trình độ quản lý, nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán công ty. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương thức hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

- Về sổ sách kế toán: kế toán đã sử dụng đầy đủ sổ sách để theo dõi đầy đủ tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ cái TK 111, TK 112 được thể hiện trong quá trình hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc lưu trữ thông tin sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh, quản lý. Nên doanh

ng nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được một phần số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho.

- Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ: các thủ tục liên quan đến vốn bằng tiền được cập nhật hàng ngày một cách đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu cho đến việc kiểm tra chứng từ một cách hợp lý được tiến hành cẩn thận, tránh tình trạng xảy ra sai sót, đảm bảo số liệu được phản ánh rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền được tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được ghi chép và đóng quyển theo thứ tự thuận lợi cho việc kiểm tra.

- Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và được ghi chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp.

3.1.2 Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm, không thể tránh khỏi những mặt hạn chế đối với công tác kế toán tại công ty nói chung và đối với hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Cụ thể là một số vấn đề sau:

- Vấn đề kiểm kê quỹ định kỳ: Tiền là một loại tài sản trọng yếu và đóng vai trò quan trọng trong tất cả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì thế, việc xây dựng kế hoạch để quản lý một cách hiệu quả tiền mặt sẽ giảm thiểu rủi ro về khả năng thanh toán cũng như tăng hiệu quả sử dụng đồng tiền của doanh nghiệp, đồng thời giúp ngăn ngừa các hành vi gian lận về tài chính. Tuy nhiên, hoạt động kiểm kê quỹ định kỳ tại công ty vẫn chưa được coi trọng.

- Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: word, excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ.

- Công ty chưa sử dụng triệt để tài khoản theo dõi ngoại tệ: Hiện nay, việc mở rộng quan hệ hợp tác với khách hàng là các công ty nước ngoài đang được

đẩy mạnh. Tuy nhiên việc chưa sử dụng tài khoản ngoại tệ trong các hoạt động thanh toán đã gây nhiều khó khăn cho công ty.

3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường.

Sau một thời gian thực tập, được áp dụng những kiến thức lí thuyết trên lớp học và đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Việt Trường, em thấy bộ máy kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty là tương đối hoàn chỉnh và khoa học. Và để cho công tác kế toán vốn bằng tiền của công ty được hoàn thiện hơn, em xin đưa ra thêm một số ý kiến đóng góp của cá nhân mình:

❖ *Ý kiến thứ nhất: Tiến hành kiểm kê quỹ định kì theo ngày và lập báo cáo kiểm kê quỹ.*

Công ty nên tiến hành kiểm kê quỹ hàng ngày theo trình tự sau :

- Trước khi tiến hành kiểm kê: Thủ trưởng đơn vị phải thành lập ban kiểm kê, kế toán phải hoàn thành việc ghi sổ tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh, tiến hành khóa sổ vào cuối ngày, đúng với thời điểm kiểm kê.
- Tiến hành kiểm kê: Nhân viên kế toán tiến hành đếm tại chỗ dưới sự chứng kiến của ban kiểm kê số tiền mặt còn tồn quỹ đến cuối ngày. Bên cạnh đó cũng cần chú ý đến việc kiểm kê quan sát về mặt chất lượng của tiền, phát hiện những trường hợp tiền bị hỏng, tiền giả, ...
- Sau khi kiểm kê: Kết quả kiểm kê phải được phản ánh trên biên bản có chữ ký của nhân viên kiểm kê và người quản lý tài sản. Sau khi kiểm kê, các biên bản báo cáo kiểm kê phải được gửi đến phòng kế toán để đối chiếu kết quả kiểm kê với số liệu trên sổ kế toán, các khoản chênh lệch nếu có sẽ được báo cho ban kiểm kê cân nhắc quyết định cách xử lý trong từng trường hợp cụ thể. Căn cứ vào quyết định của ban kiểm kê, kế toán ghi vào sổ kế toán để điều chỉnh số liệu trong sổ kế

Việc kiểm kê quỹ cần thực hiện theo mẫu sổ 08a –TT, 08b-TT(ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền ghi trên sổ tại thời điểm kiểm kê.

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số: 08a-TT

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm -LC-HP

(Theo QĐ số48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào giờ ngày tháng năm Số :.....

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán

- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: -Loại		
2	-Loại :		
3	-Loại :		
4	-Loại:		
5	-Loại :		
6	Chênh lệch(II-I)		
III			

Lý do:

+ Thừa: Tiền lẻ.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng
 (Kí, họ tên)

Thủ quỹ
 (Kí, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ
 (Kí, họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số: 08a-TT

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm -LC-HP

(Theo QĐ số48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 15h30 giờ ngày 11tháng 12 năm 2013 Số:.....

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán

- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng(tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	273.310.584
II	Số kiểm kê thực tế	x	273.310.000
1	Trong đó: -Loại		
2	-Loại : 500.000	500	250.000.000
3	-Loại : 200.000	104	20.800.000
4	-Loại: 100.000	23	2.300.000
5	-Loại : 20.000	8	160.000
6	-Loại: 5.000	10	50.000
III	Chênh lệch(II-I)		584

Lý do:

+ Thừa: Tiền lẻ.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: chênh lệch 584 (năm trăm tám mươi bốn đồng)

Kế toán trưởng
(Kí, họ tên)**Thủ quỹ**
(Kí, họ tên)**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**
(Kí, họ tên)

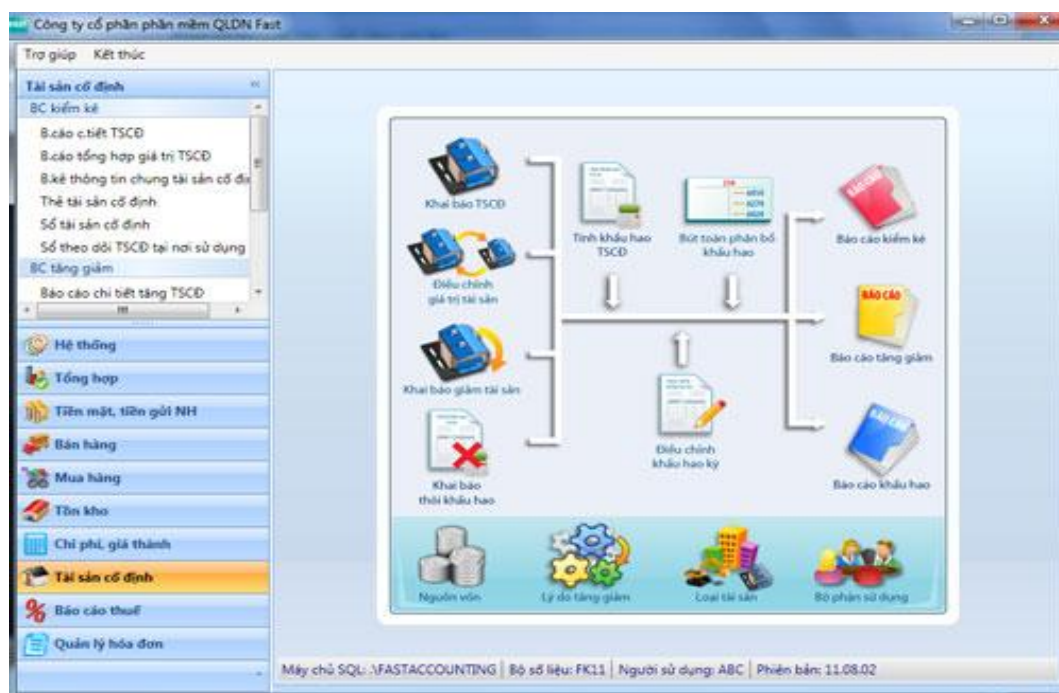
❖ *Ý kiến thứ hai : Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.*

Trong bối cảnh hiện nay, việc vi tính hoá công tác kế toán là một tất yếu và cần thiết với ưu điểm xử lý nhanh, chính xác, lưu giữ được nhiều thông tin và truy cập dữ liệu tốc độ cao. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán sẽ đẩy nhanh được tiến độ và khối lượng công việc cùng với đó là độ chính xác cao, cho thấy được những hiệu quả rất rõ ràng. Tuy nhiên cho đến nay công ty vẫn chưa sử dụng một phần mềm kế toán máy nào, đây là một thiếu sót của ban lãnh đạo công ty. Chính vì vậy, theo em công ty nên cập nhật, sử dụng những phiên bản phần mềm kế toán máy hiện nay ví dụ như phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 , phần mềm kế toán Fast accounting phiên bản 2013 để tăng hiệu quả làm việc.

1. Phần mềm kế toán misa được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sử hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.



2. Phần mềm kế toán Fast accounting có nhiều tính năng mạnh, nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả.



❖ *Ý kiến thứ ba: Công ty nên sử dụng triệt để tài khoản theo dõi ngoại tệ.*

Trong khi công ty TNHH Việt Trường chỉ có tài khoản 1122 - “Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ” dùng để phản ánh tình hình tăng giảm ngoại tệ của đơn vị tại ngân hàng mà không đăng ký sử dụng tài khoản 1112 - “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ”. Điều này đã gây nên không ít khó khăn. Giả sử khi khách hàng đến thanh toán bằng ngoại tệ thì đơn vị không thể nhập quỹ mà phải cho người đi đổi lấy đồng Việt Nam hoặc đem gửi vào tài khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ tại ngân hàng. Đây là một sự lãng phí thời gian và nhân công làm ảnh hưởng đến công việc. Vì thế, theo em công ty nên sử dụng thêm tài khoản 1112- “Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ” để thuận tiện cho việc hoạt động kinh doanh của công ty.

Hạch toán kế toán các khoản thu chi bằng ngoại tệ tại quỹ.

- Việc hạch toán ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán (nếu được chấp thuận) về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào tỉ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

- Đối với các tài khoản thuộc loại chi phí doanh thu, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền, các tài khoản nợ phải thu hoặc bên Có các tài khoản phải trả... Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải ghi sổ kế toán theo tỉ giá giao dịch.

- Đối với bên có của các tài khoản vốn bằng tiền, các tài khoản nợ phải thu và bên nợ của các tài khoản nợ phải trả khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán theo tỉ giá ghi trên sổ kế toán.
- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các tài khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo thị giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập BCĐKT.
- Trong trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì hạch toán theo tỉ giá thực tế mua, bán.

* Ví dụ minh họa : Ngày 15/12/2013 xuất kho 40.000kg chả cá đông lạnh bán cho công ty Daesang international corp của Hàn Quốc, tổng giá thanh toán 54.000USD thu ngay bằng tiền mặt (không có VAT). Tỉ giá thống nhất thanh toán tỉ giá bình quân 1USD = 21.036 VND

Định khoản Nợ Tk 1112 1.135.944.000

Có Tk 511 1.135.944.000

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số : S03a-DN

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
								
06/12/2013	PC5	06/12/2013	Thanh toán cước phí mobiphone	x	20	642	311.032	
				x	21	133	31.103	
				x	22	1111		342.135
								
12/12/2013	PT20	12/12/2013	Thu tiền hàng của công ty Trung Hậu	x	855	1111	19.986.750	
				x	856	511		19.035.000
				x	857	3331		951.750
								
15/12/2013	PT25	15/12/2013	Xuất bán chả cá đông lạnh cho cty Hàn Quốc	x	901	1112	1.135.944.000	
				x	902	511		1.135.944.000
								

Công ty TNHH Việt Trường

Mẫu số : S07a-DN

Địa chỉ : Cụm CN Vĩnh Niệm - LC – HP

(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ-BTC)

ĐT : 0313.742 563 Fax : 0313.7420960

Ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản 1112

Loại quỹ :USD

Tháng 12 năm 2013

Ngày tháng	Ngày tháng chứng từ	SH,CT		DIỄN GIẢI	TK Đôi ứng	Số phát sinh		Số tồn
		PT	PC			Nợ	Có	
				Số tồn đầu tháng				-
								
1/12/2013	1/12/2013	05		Vay ngân hàng 20.000USD	311	600.000.000		600.000.000
								
15/12/2013	15/12/2013	25		Thu 54000USD bán chả cá đông lạnh	511	1.135.944.000		734.750.000
16/12/2012	16/12/2013		18	Xuất quỹ 20.000 USD trả ngân hàng	3111		600.000.000.	143.750.000
				Cộng số phát sinh		5.696.944.000	5.553.194.000	
				Số tồn cuối tháng				<u>143.750.000</u>

KẾT LUẬN

Kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp có vai trò quan trọng, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền nhằm đưa ra những thông tin đầy đủ nhất, chính xác nhất về thực trạng và cơ cấu của vốn bằng tiền, về các nguồn thu và sự chi tiêu trong quá trình sản xuất kinh doanh để nhà quản lý có thể nắm bắt được những thông tin kinh tế cần thiết, đưa ra những quyết định tối ưu nhất về đầu tư, chi tiêu trong tương lai như thế nào. Bên cạnh đó, nhiệm vụ kiểm tra các chứng từ, sổ sách về tình hình lưu chuyển tiền tệ, chúng ta có thể biết được hiệu quả kinh tế của đơn vị mình. “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền” là một đề tài rất có ý nghĩa cả về thực tiễn lẫn lý luận. Với sự vận dụng vào tình hình thực tế tại công ty TNHH Việt Trường em đã trình bày về thực trạng công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền của công ty và đưa ra ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn và các cán bộ nhân viên trong công ty TNHH Việt Trường đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Em mong nhận được những nhận xét của các thầy cô trong khoa, cũng như ban lãnh đạo của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn và đóng góp nhỏ vào công cuộc thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

Sinh viên

Ngô Thị Châm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp Nxb Tài Chính- Bộ Tài Chính.
2. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp, PGS.TS Nguyễn Thị Đông, Nxb Tài Chính (2006).
3. Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp, PGS.TS Nghiêm Văn Lợi, Nxb Tài Chính (2007).
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, Nxb Tài Chính.
5. Các bài khóa luận tốt nghiệp của ngành Kế toán- Kiểm toán, Thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.
6. Tài liệu sổ sách do Công ty TNHH Việt Trường cung cấp.
7. Website:.